

**NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC THỰC HIỆN CÁC
BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT BỆNH DỊCH
LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI TRONG
TRANG TRẠI GÂY NUÔI ĐVHD
KHẢO SÁT TẠI 6 TỈNH CỦA VIỆT NAM**



Công bố bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH,

Thay mặt

Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế CHLB Đức (BMZ)

Văn phòng đăng ký

Bonn and Eschborn, Germany

Dự án

Giảm thiểu Rủi ro Sức khỏe trong Buôn bán Động vật Hoang dã ở Việt Nam do GIZ cùng phối hợp với Vụ Hợp tác Quốc tế trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ Nông nghiệp và PTNT) thực hiện.

Giám đốc dự án: Ông Vũ Thanh Liêm, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT

Cố vấn trưởng dự án: Bà Anja Barth, GIZ Việt Nam

Chỉ đạo nội dung

Bà Anja Barth

Các tác giả

TS. Nguyễn Mạnh Dũng

TS. Phạm Lê Hoa

Hình ảnh

©GIZ/Nguyễn Quang Hải

©GIZ/Đỗ Doãn Hoàng

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ, BMZ hay Vụ Hợp tác Quốc tế trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT. Những cơ quan, đơn vị này từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

Tháng 12, 2023

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT BỆNH DỊCH LÂY TRUYỀN TỪ ĐỘNG VẬT SANG NGƯỜI TRONG TRANG TRẠI GÂY NUÔI ĐVHD KHẢO SÁT TẠI 6 TỈNH CỦA VIỆT NAM



Mục lục



PHẦN 1.	ĐẶT VẤN ĐỀ	8		
PHẦN 2.	MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	9		
2.1.	Mục tiêu	9		
2.2.	Nội dung	9		
2.3.	Phương pháp thực hiện	10		
	2.3.1. Phương pháp luận	10		
	2.3.2. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu	13		
PHẦN 3.	KẾT QUẢ	16		
3.1.	Thực trạng áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người	16		
	3.1.1. Thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng	17		
	3.1.2. Kiểm dịch động vật và cách ly động vật hoang dã	19		
	3.1.3. Khử trùng trước khi ra vào chuồng, khu nuôi động vật hoang dã	22		
	3.1.4. Không cho động vật nhà, người không phận sự vào khu nuôi động vật hoang dã	24		
	3.1.5. Tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã	25		
	3.1.6. Vị trí đặt chuồng nuôi	26		
	3.1.7. Sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã	28		
	3.1.8. Xử lý đồ bảo hộ và rửa dụng cụ vệ sinh sau khi vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã gây nuôi	29		
	3.1.9. Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khu vực nuôi động vật hoang dã	30		
	3.1.10. Xử lý khi bị động vật cắn	31		
	3.1.11. Xử lý khi động vật hoang dã bị ốm	34		
	3.1.12. Xử lý khi động vật hoang dã nuôi chết không rõ nguyên nhân	36		
3.2.	Nhận thức của chủ nuôi về những nguy cơ và rủi ro bị bệnh từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người	42		



PHẦN 1

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, nuôi động vật hoang dã có lịch sử lâu đời và gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh của một bộ phận người dân sống tại các vùng nông thôn, miền núi. Hiện nay, động vật hoang dã được nuôi khá phổ biến trong cả nước. Hoạt động này không chỉ tạo sinh kế cho người dân vùng nông thôn, miền núi mà còn góp phần vào công tác bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, hoạt động này cũng đặt ra nhiều thách thức cho công tác quản lý Nhà nước, đặc biệt là kiểm soát nguồn gốc vật nuôi và phòng, chống bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, có tới 75% các bệnh truyền nhiễm mới hoặc đang phát sinh có nguồn gốc từ động vật¹. Việt Nam được xác định là một trong những “điểm nóng” toàn cầu có nguy cơ rất cao xuất hiện các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới nổi, gồm các bệnh lây truyền từ vật nuôi, động vật hoang dã hoặc hệ sinh thái. Bệnh truyền nhiễm mới nổi đã ghi nhận ở Việt Nam trong thời gian gần đây bao gồm Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS, 2003), cúm gia cầm A/H5N1 năm 2003 với tỷ lệ tử vong khoảng 50%, cúm đại dịch (cúm A/H1N1, 2009). Bên cạnh các bệnh truyền nhiễm mới nổi nguy hiểm nói trên, Việt Nam vẫn đang phải đối mặt với các bệnh truyền nhiễm lưu hành từ lâu như bệnh dại. Ở Việt Nam, bệnh dại hiện là một trong những bệnh truyền nhiễm đáng quan tâm với số ca gây tử vong đứng hàng đầu trong các bệnh truyền nhiễm, hơn 90% ca bệnh dại trên người do lây nhiễm từ chó. Ngoài ra, bệnh liên cầu lợn trên người với bệnh cảnh lâm sàng nặng nề, điều trị tốn kém, tỷ lệ tử vong cao và nếu khỏi cũng để lại nhiều di chứng nặng hiện đang diễn biến phức tạp với số ca mắc và tử vong hàng năm không giảm do người dân vẫn giữ thói quen ăn tiết canh. Tất cả các bệnh truyền nhiễm mới nổi nguy hiểm trên đều ghi nhận có mầm bệnh trên động vật hoang dã. Khai thác, chế biến, buôn bán và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã được xác định là một trong những nguyên nhân quan trọng làm xuất hiện và lây lan bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người.

Do vậy, chúng tôi thực hiện **“Đánh giá hiện trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người của chủ nuôi”**.

1. https://www.who.int/docs/default-source/climate-change/qa-infectiousdiseases-who.pdf?sfvrsn=3a624917_3

PHẦN 2

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu tổng quát

Góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá được hiện trạng áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.
- Phát hiện được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của chủ nuôi trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.
- Đề xuất được các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

2.2. Nội dung

■ **Đánh giá thực trạng áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người của chủ nuôi**

■ **Đánh giá nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ mắc bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người**

■ **Đánh giá thái độ của chủ nuôi đối với việc áp dụng biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người**

■ **Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người**

■ **Đánh giá khả năng áp dụng biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền**

■ **Đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.**

2.3. Phương pháp thực hiện

2.3.1. Phương pháp luận

Để giảm thiểu các nguy cơ và rủi ro về các bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người thì trước hết động vật hoang dã nuôi phải khỏe mạnh, không mang mầm bệnh, đặc biệt là các bệnh có khả năng lây truyền cho người. Do đó, để phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người thì phải thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh cho động vật hoang dã nuôi đồng thời với việc chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã phải nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

Một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho động vật hoang dã nuôi nhốt thường được áp dụng gồm:

- 1 Vệ sinh, tiêu độc khử trùng khu nuôi, chuồng nuôi và dụng cụ chăn nuôi;
- 2 Cách ly động vật hoang dã khi mua, động vật bị bệnh, chết;
- 3 Lựa chọn con giống khỏe mạnh, không bị bệnh (kiểm dịch trước khi mua);
- 4 Khử trùng trước khi ra, vào khu nuôi;
- 5 Không cho động vật nhà, người không phận sự vào khu nuôi động vật hoang dã;
- 6 Biện pháp xử lý khi động vật mắc bệnh, chết (mời bác sĩ khám và điều trị, tiêu hủy xác động vật chết);
- 7 Tiêm vắc-xin phòng bệnh.

Hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn hay tiêu chuẩn kỹ thuật về các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Tuy nhiên, theo TS. Phan Việt Lâm², TS. Võ Đình Sơn³ và Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam⁴ một số biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền giữa động vật hoang dã và người gồm:

2. Hướng dẫn nuôi linh trưởng

3. Bài giảng Phòng chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, 2020 (theo đặt hàng của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam).

4. Cẩm nang nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng một số loài cá của Việt Nam (2019) và Cẩm nang nuôi một số loài linh trưởng (2018).

- 1 Mỗi cơ sở nuôi phải xây dựng nội quy và quy trình nuôi, vệ sinh môi trường và phòng ngừa dịch bệnh và mọi nhân viên và những người có liên quan phải tuân thủ nghiêm nội quy và quy trình này;
- 2 Nhân viên nuôi, chăm sóc và quản lý động vật hoang dã phải rửa tay (kể cả khi mang găng tay) bằng xà phòng hoặc các nước rửa tay sát trùng trước và sau khi tiếp xúc với động vật hoang dã, thức ăn, chất thải, dịch cơ thể của động vật hoang dã;
- 3 Nhân viên chăm sóc được trang bị bảo hộ lao động, mũ, khẩu trang, găng tay, ủng. Không tiếp xúc trực tiếp với động vật hoang dã, trừ khi chữa bệnh;
- 4 Chuồng trại phải được vệ sinh sạch sẽ, tiêu độc khử trùng thường xuyên theo định kỳ;
- 5 Nhân viên phải sử dụng đồ bảo hộ, đeo khẩu trang, mang găng, đi ủng ... khi dọn vệ sinh hoặc cho động vật hoang dã ăn. Đồ bảo hộ này phải được thay, giặt sạch sau mỗi ngày lao động và không được mang đồ bảo hộ chưa giặt ra khỏi trại. Không được dùng chung đồ dọn vệ sinh giữa các chuồng nuôi;
- 6 Nhân viên phải tuân thủ các quy định vệ sinh, phòng dịch ở khu nuôi động vật hoang dã. Không được hút thuốc lá hay ăn, uống trong khu vực nuôi động vật hoang dã, v.v;
- 7 Nhân viên nuôi, chăm sóc động vật hoang dã phải được khám sức khỏe định kỳ, thông thường 06 tháng một lần hoặc bất cứ khi nào có bệnh. Nhân viên nuôi, chăm sóc động vật khi bị bệnh như sốt cao, tiêu chảy hay có vết thương hở phải đi khám bệnh và phải thông báo cho nhân viên y tế là mình chăm sóc, tiếp xúc với động vật hoang dã;
- 8 Nhân viên nuôi, chăm sóc động vật hoang dã phải luôn cẩn trọng, tránh để thú tấn công, cắn hay cào. Trường hợp bị động vật hoang dã cắn, cào phải báo ngay cho nhân viên y tế, rửa vết thương kỹ bằng xà phòng diệt khuẩn và đi khám tại cơ sở y tế trong trường hợp vết thương hoặc bị bệnh nghiêm trọng. Nếu bị động vật hoang dã cắn, khuyến cáo tiêm phòng bệnh dại.

Để phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người, điều quan trọng nhất là chủ nuôi, người quản lý và những người liên quan đến nuôi động vật hoang dã phải chủ động và tự nguyện thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã.

Muốn vậy, các giải pháp đưa ra phải phù hợp với điều kiện kinh tế, hiện trạng nuôi và nhận thức của chủ nuôi. Do đó, cần đánh giá nhận thức của chủ nuôi, người chăm sóc về các nguy cơ và rủi ro dịch bệnh; thái độ và quan điểm của họ về các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người. Những nghiên cứu này sẽ giúp xác định các yếu tố căn bản dẫn đến việc quyết định lựa chọn và áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người của chủ nuôi, người quản lý động vật hoang dã cũng như giúp xác định và đề xuất các biện pháp phù hợp với thực tiễn.

Việc chủ nuôi quyết định lựa chọn và áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người do một hoặc một nhóm các yếu tố sau:

- | | |
|---|---|
| <p>1 Nhận thức về các nguy cơ, rủi ro dịch bệnh từ hoạt động nuôi động vật hoang dã;</p> | <p>6 Chi phí đầu tư-lợi ích;</p> |
| <p>2 Văn bản quy phạm pháp luật có quy định rõ ràng, cụ thể và chi tiết không;</p> | <p>7 Cơ sở vật chất hiện có và khả năng đáp ứng;</p> |
| <p>3 Việc hướng dẫn và khuyến cáo của cán bộ Thú y có được thực hiện không;</p> | <p>8 Những hậu quả đã và có thể xảy ra;</p> |
| <p>4 Hoạt động thanh tra, kiểm tra có được thực hiện thường xuyên và liên tục không;</p> | <p>9 Thói quen và tập quán;</p> |
| <p>5 Những sai phạm có bị xử lý nghiêm và kịp thời không;</p> | <p>10 Các yếu tố thúc đẩy khác (hướng dẫn và khuyến nghị của cơ quan Nhà nước, đào tạo, tập huấn).</p> |



2.3.2. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Để đánh giá hiện trạng áp dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc với bộ câu hỏi được chuẩn bị sẵn, trong đó có nhiều câu hỏi mở để tăng cường tương tác giữa người phỏng vấn và các đối tác được phỏng vấn nhằm đánh giá được tương đối cụ thể, toàn diện thực trạng của vấn đề (bộ câu hỏi phỏng vấn tại Phụ lục 1 kèm theo) để khảo sát và phỏng vấn các Chủ nuôi động vật hoang dã tại Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Sóc Trăng và Hậu Giang (Danh sách người được phỏng vấn tại Phụ lục 2 kèm theo).

Tiêu chí lựa chọn các cơ sở nuôi khảo sát gồm:

- Cơ sở có nuôi loài động vật hoang dã có nguy cơ cao lây bệnh cho người, gồm: linh trưởng, cầy, nhím, dúi, lợn rừng và chim hoang dã.
- Các cơ sở nuôi được phân bố tương đối đồng đều theo quy mô, từ nhỏ (hộ gia đình) đến lớn (các trang trại) và rất lớn (công ty có đến trên 1000 cá thể).



Nhằm xác định mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng đối với quyết áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, chúng tôi vận dụng phương pháp phân tích thống kê và sử dụng Excel để tính toán 02 chỉ số:

- Hiệp phương sai (Cov): $Cov(x, y) = \text{SUM}[(x_i - x_m) * (y_i - y_m)] / (n-1)$

x_i = một giá trị x đã cho trong tập dữ liệu

x_m = giá trị trung bình hoặc trung bình của các giá trị x

y_i = giá trị y trong tập dữ liệu tương ứng với x_i

y_m = giá trị trung bình hoặc trung bình của các giá trị y

n = số điểm dữ liệu.

Hiệp phương sai cho biết hai (hoặc nhiều) biến có biến thiên cùng chiều hay không. Hai biến quan sát biến thiên cùng chiều sẽ cho giá trị hiệp phương sai dương và ngược lại khi chúng biến thiên ngược chiều nhau.

- Hệ số tương quan (R):

$$r = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y})}{\sqrt{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \sum_{i=1}^n (y_i - \bar{y})^2}}$$

Hệ số tương quan Pearson (r) sẽ nhận giá trị từ +1 đến -1. Điều kiện để tương quan có ý nghĩa là **giá trị sig. <0.05**

$r < 0$ cho biết một sự tương quan nghịch giữa hai biến, nghĩa là nếu giá trị của biến này tăng thì sẽ làm giảm giá trị của biến kia.

$r = 0$ cho thấy không có sự tương quan, r càng gần 1 mức quan hệ giữa hai biến càng mạnh và ngược lại, r càng gần 0 mối quan hệ càng yếu.

$r > 0$ cho biết một sự tương quan thuận giữa hai biến, nghĩa là nếu giá trị của biến này tăng thì sẽ làm tăng giá trị của biến kia.



PHẦN 3

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

3.1. Thực trạng áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Kết quả khảo sát 41 cơ sở nuôi động vật hoang dã tại Lâm Đồng (08 cơ sở), Tây Ninh (09 cơ sở), Bình Phước (04 cơ sở), Long An (07 cơ sở), Sóc Trăng (10) và Hậu Giang (03 cơ sở) về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho động vật hoang dã và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người mà chủ nuôi đã thực hiện được thống kê vào Bảng 01.

Bảng 01. Hiện trạng thực hiện biện pháp phòng, chống dịch bệnh và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

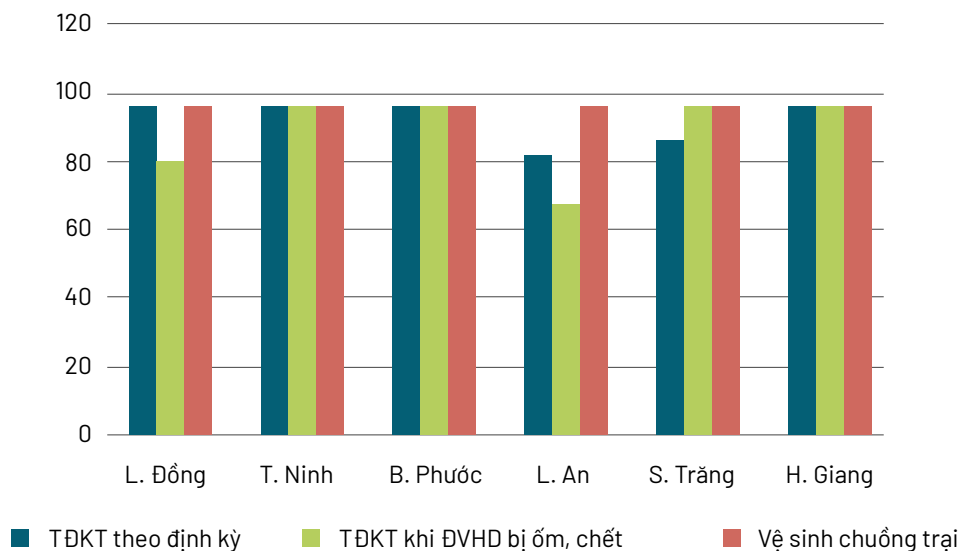
Biện pháp	Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện (%)					
	L. Đồng	T. Ninh	B. Phước	L. An	S. Trăng	H. Giang
Tiêu độc, khử trùng chuồng, khu nuôi và dụng cụ chăn nuôi định kỳ	100	100	100	85,7	90	100
Tiêu độc, khử trùng chuồng và dụng cụ chăn nuôi khi ĐVHD bị ốm, chết	83,3	100	100	71,4	100	100
Cách ly khi đưa ĐVHD về cơ sở hoặc khi ĐVHD nuôi bị bệnh	100	88,9	25	85,7	30	33,3
Yêu cầu kiểm dịch động vật khi mua	71,4	55,6	50	28,6	0	66,7
Khử trùng trước khi ra, vào chuồng nuôi	12,5	11,1	75	42,9	30	33,3

Biện pháp	Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện (%)					
	L. Đồng	T. Ninh	B. Phước	L. An	S. Trăng	H. Giang
Không cho động vật nhà vào khu nuôi	100	100	100	85,7	80	100
Không cho người không phận sự vào khu nuôi	75	100	100	85,7	60	100
Tiêu hủy ĐVHD bị chết không rõ nguyên nhân	100	88,9	100	100	70	66,7
Tiêm vắc-xin cho ĐVHD	50	44,4	25	42,9	30	33,3
Chuồng nuôi đặt ngoài khu vực sinh hoạt của gia đình	75	88,9	75	57,1	30	66,7
Sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình chăm sóc, vệ sinh chuồng nuôi	87,5	62,5	100	100	50	66,7
Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khu vực nuôi ĐVHD	100	75	100	85,7	80	66,7
Xử lý đồ bảo hộ sau khi thực hiện vệ sinh chuồng nuôi, chăm sóc ĐVHD	37,5	22,2	50	42,9	10	66,7
Xử lý dụng cụ vệ sinh sau khi sử dụng	71,4	77,8	75	85,7	60	100

Kết quả đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người của các cơ sở nuôi động vật hoang dã tại các tỉnh khảo sát cho thấy việc thực hiện các biện pháp này trong cùng một cơ sở nuôi và giữa các cơ sở nuôi với nhau là khác nhau, cụ thể như sau:

3.1.1. Thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

Kết quả khảo sát cho thấy, việc thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi và khu nuôi động vật hoang dã tại các cơ sở khảo sát được các chủ thực hiện một cách chủ động và theo định kỳ. Tỷ lệ% các cơ sở nuôi thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng và khu nuôi động vật hoang dã tại các tỉnh khảo sát được thể hiện trên Hình 01.



Hình 01: Tỷ lệ cơ sở nuôi thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

- Vệ sinh chuồng trại: Kết quả khảo sát ghi nhận 100% số cơ sở khảo sát thực hiện vệ sinh chuồng, khu nuôi động vật hoang dã một cách chủ động và theo định kỳ, trung bình 01 lần/ngày, thậm chí có cơ sở thực hiện 02 lần/ngày, một số ít cơ sở thực hiện 02-03 ngày/lần.
- Các thức vệ sinh: một số cơ sở chỉ dùng chổi để quét, thu dọn phân, rác thải và thức ăn thừa, một số cơ sở chỉ dùng vòi nước để xịt rửa chuồng, nền chuồng và một số cơ sở kết hợp giữa 2 phương pháp nêu trên.
- Xử lý chất thải chăn nuôi: Việc xử lý chất thải, nước thải trong hoạt động chăn nuôi động vật hoang dã được người dân thực hiện theo kinh nghiệm từ bản thân, học tập kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác và một số cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương. Một số cơ sở thực hiện thu gom phân, rác thải để ủ với men vi sinh sau dùng bón cho cây; một số cơ sở cơ sở dẫn phân, rác thải, nước thải vào hố ga trước khi thải ra môi trường; một số cơ sở thải trực tiếp ra môi trường (vườn nhà, ao cá).
- Việc thực hiện tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi (máng ăn, máng uống, dụng cụ vệ sinh, v.v.) được chủ nuôi thực hiện theo định kỳ, tùy thuộc vào quy mô nuôi và loài nuôi, trung bình từ 7-15 ngày/lần. Việc thực hiện tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi, khu nuôi khi động vật bị bệnh, bị chết cũng được chủ nuôi thực hiện tốt. Kết quả phỏng vấn cho thấy có 35/41 trường hợp cho biết sẽ thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, khu nuôi nếu động vật bị bệnh, chết; chỉ có 03/41 cơ sở nuôi tại Long An và Sóc Trăng cho biết

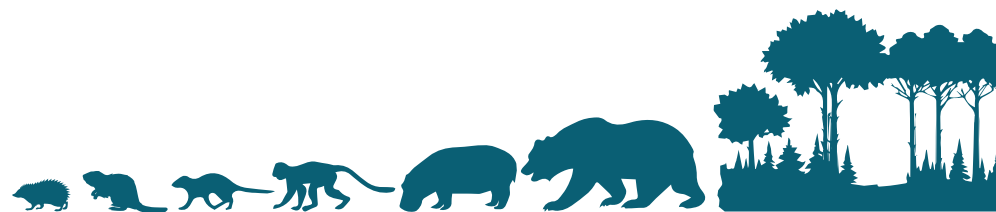
không thực hiện tiêu độc, khử trùng khi động vật bị bệnh, chết và 03 cơ sở không có câu trả lời do chưa có động vật hoang dã bị bệnh, chết. Những cơ sở không thực hiện tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi, do chủ nuôi sợ hóa chất sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, sinh trưởng, phát triển và khả năng sinh sản của động vật hoang dã gây nuôi.

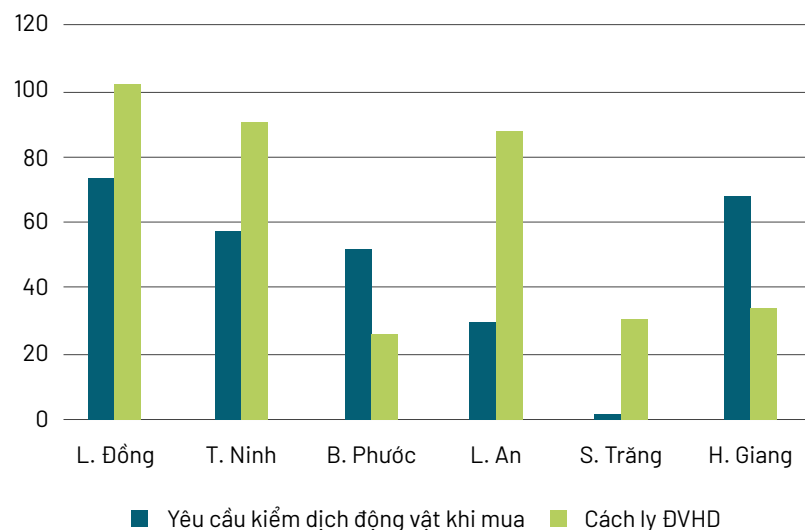
- Hóa chất dùng để tiêu độc khử trùng chủ yếu là Cloramin B do chủ nuôi mua tại hiệu thuốc thú y và một số hóa chất do cơ quan Thú y địa phương cung cấp. Một số cơ sở còn dùng khò lửa để khò chuồng nuôi nhằm tiêu diệt vi khuẩn, vi rút.

Theo các chủ nuôi, việc chủ động thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, khu vực chăn nuôi và dụng cụ chăn nuôi nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, làm cho chuồng nuôi luôn sạch sẽ, phòng, chống dịch bệnh cho động vật hoang dã. Bên cạnh đó, một số cơ sở nuôi cho biết họ thực hiện tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng trại theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

3.1.2. Kiểm dịch động vật và cách ly động vật hoang dã

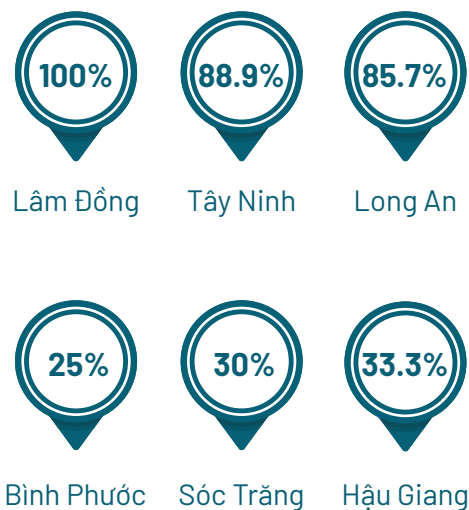
Yêu cầu kiểm dịch khi mua và thực hiện cách ly khi đưa động vật hoang dã từ nơi khác về cơ sở nuôi hoặc khi động vật hoang dã bị bệnh là một trong những biện pháp phòng bệnh quan trọng. Tuy nhiên, việc thực hiện biện pháp này của các chủ nuôi tại các địa phương khảo sát là rất khác nhau. Tỷ lệ chủ nuôi được khảo sát yêu cầu người bán kiểm dịch và thực hiện cách ly khi nhập động vật hoang dã về cơ sở nuôi hoặc khi động vật hoang dã nuôi bị bệnh được thể hiện trên Hình 02.





Hình 02: Tỷ lệ chủ nuôi yêu cầu kiểm dịch, thực hiện cách ly khi nhập ĐVHD về cơ sở nuôi hoặc khi ĐVHD bị ốm

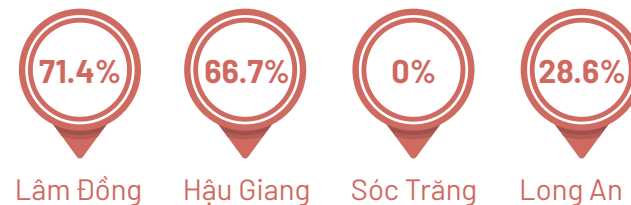
Cách ly động vật hoang dã khi đưa động vật hoang dã từ bên ngoài vào cơ sở nuôi hoặc khi động vật hoang dã nuôi bị bệnh được chủ nuôi thực hiện tốt tại các tỉnh như Lâm Đồng (100% số cơ sở được khảo sát), Tây Ninh (88,9% số cơ sở được khảo sát) và Long An (85,7% số cơ sở được khảo sát). Trong khi đó tại Bình Phước (25% số cơ sở được khảo sát), Sóc Trăng (30% số cơ sở được khảo sát) và Hậu Giang (33,3% số cơ sở được khảo sát), chủ nuôi động vật hoang dã ít quan tâm thực hiện biện pháp này.



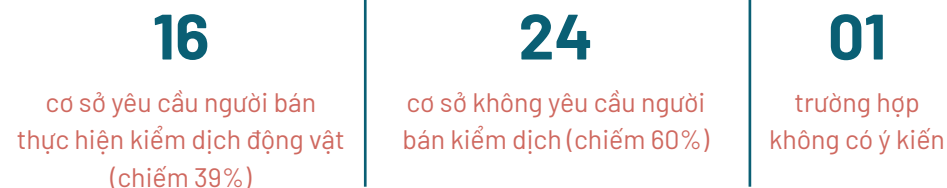
Theo một số chủ nuôi, động vật hoang dã thường khỏe mạnh và ít bị dịch bệnh hơn động vật nhà, do đó không cần thực hiện cách ly khi nhập động vật hoang dã ở bên ngoài về cơ sở nuôi. Một số cơ sở nuôi không có các chuồng và khu vực nuôi cách ly, do đó họ không thể thực hiện nuôi cách ly khi mua mới động vật hoang dã hoặc/và khi động vật hoang dã bị bệnh. Một số cơ sở cho rằng không cơ quan nào yêu cầu hay hướng dẫn phải cách ly khi nhập mới động vật hoang dã hoặc khi động vật hoang dã bị bệnh. Những cơ sở nuôi đã thực hiện

cách ly cho rằng, việc cách ly động vật hoang dã khi nhập mới từ các cơ sở khác về nuôi hoặc khi động vật hoang dã bị bệnh là rất cần thiết nhằm đảm bảo rằng không lây lan dịch bệnh cho đàn động vật hoang dã khỏe mạnh đang nuôi tại cơ sở. Tỷ lệ các cơ sở thực hiện cách ly động vật hoang dã khi nhập mới từ các cơ sở khác về nuôi hoặc khi động vật hoang dã bị bệnh khác nhau giữa các địa phương thể hiện sự khác nhau trong nhận thức của chủ nuôi về ý nghĩa của việc cách ly. Bên cạnh đó nó cũng phản ánh vai trò của cơ quan thú y trong việc hướng dẫn chủ nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho động vật hoang dã tại các địa phương là khác nhau.

Yêu cầu của người mua về thực hiện kiểm dịch khi vận chuyển động vật hoang dã ra địa bàn ngoài tỉnh tại các địa phương rất khác nhau. Các tỉnh Lâm Đồng (có 71,4% số cơ sở), Hậu Giang (có 66,7% số cơ sở) có số người mua động vật hoang dã yêu cầu người bán kiểm dịch động vật cao, trong khi Sóc Trăng (0% số cơ sở) và Long An (28,6%) có số người mua yêu cầu kiểm dịch thấp.



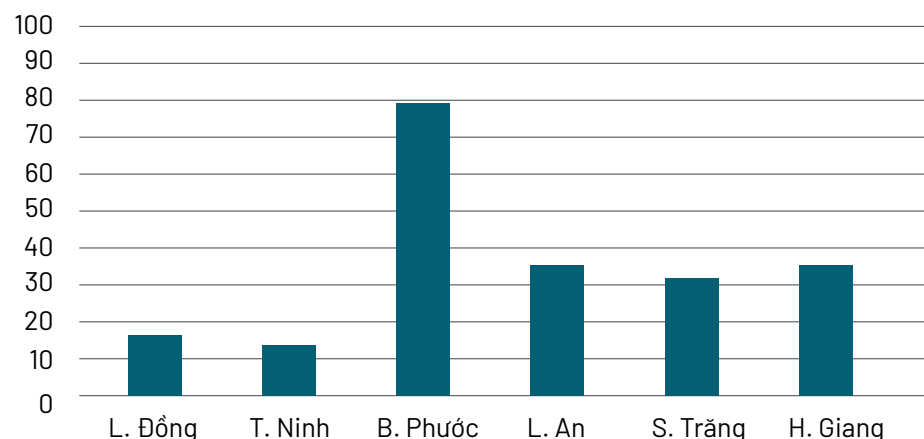
Kết quả khảo sát 41 cơ sở nuôi động vật hoang dã chỉ ghi nhận có 16 cơ sở yêu cầu người bán thực hiện kiểm dịch động vật (chiếm 39%), 24 cơ sở không yêu cầu người bán kiểm dịch (chiếm 60%) và 01 trường hợp không có ý kiến. Trong số 16 cơ sở yêu cầu kiểm dịch, chỉ có 05 trường hợp cho rằng pháp luật quy định phải kiểm dịch động vật khi vận chuyển ra địa bàn ngoài tỉnh và đảm bảo động vật hoang dã mua không bị bệnh; 11 trường hợp còn lại cho rằng kiểm dịch để đảm bảo động vật hoang dã mà họ mua làm giống không bị bệnh. Trong số 25 trường hợp mua không yêu cầu người bán kiểm dịch (chiếm 51% số trường hợp được hỏi) vì họ cho rằng động vật hoang dã khỏe mạnh, ít bệnh nên không cần kiểm dịch và họ cũng không biết quy định phải kiểm dịch khi vận chuyển động vật hoang dã ra địa bàn ngoài tỉnh.



- Nguyên nhân của việc không thực hiện kiểm dịch khi vận chuyển động vật hoang dã ra địa bàn ngoài tỉnh gồm:
 - + Nhiều cơ sở nuôi động vật hoang dã không biết quy định phải thực hiện kiểm dịch khi vận chuyển ra địa bàn ngoài tỉnh (có 36/41 trường hợp được hỏi không biết quy định), một số cơ sở cho rằng có quá nhiều thủ tục phải thực hiện, khi họ xác nhận nguồn gốc và kiểm dịch xong có khi người mua không mua hàng nữa.
 - + Cơ quan thú y không nắm được danh sách các cơ sở nuôi, không biết các giao dịch và vận chuyển động vật hoang dã, và người dân không đề nghị kiểm dịch.
 - + Cán bộ thú y của các Chi cục Chăn nuôi và Thú y hiện nay không có kinh nghiệm, hiểu biết về bệnh trên động vật hoang dã, họ không có đủ máy móc, thiết bị để lấy mẫu, phân tích, xét nghiệm. Do đó, nếu có kiểm dịch cho động vật hoang dã thì chủ yếu là chỉ chẩn đoán lâm sàng, không thực hiện lấy mẫu để phân tích, xét nghiệm.
 - + Công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp không tuân thủ quy định về kiểm dịch động vật hoang dã còn chưa được chú trọng thực hiện.

3.1.3. Khử trùng trước khi ra vào chuồng, khu nuôi động vật hoang dã

Khử trùng trước khi ra, vào chuồng, khu nuôi động vật hoang dã là biện pháp quan trọng nhằm hạn chế mầm bệnh từ bên ngoài vào cơ sở nuôi và từ cơ sở nuôi ra bên ngoài. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, biện pháp này ít được các chủ nuôi động vật hoang dã tại các tỉnh khảo sát thực hiện.



Hình 03: Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát có hồ sát trùng

Kết quả khảo sát cho thấy, đa phần cơ sở nuôi được khảo sát không có hồ sát trùng đặt ở vị trí ra, vào chuồng nuôi động vật hoang dã hoặc thực hiện khử trùng trước khi ra, vào khu nuôi động vật hoang dã. Trong số 41 cơ sở khảo sát, chỉ có 12 cơ sở có hồ sát trùng hoặc thực hiện sát trùng bằng cồn trước khi ra, vào chuồng, khu vực nuôi động vật hoang dã. Trong các tỉnh khảo sát, Bình Phước có tỷ lệ các cơ sở thực hiện sát trùng cao nhất (75% số cơ sở), Tây Ninh có tỷ lệ các cơ sở thực hiện sát trùng trước khi vào, ra khu vực nuôi động vật hoang dã thấp nhất (11,1% số cơ sở).

12/41 cơ sở có hồ sát trùng hoặc thực hiện sát trùng bằng cồn trước khi ra, vào chuồng, khu vực nuôi động vật hoang dã

Bình Phước **75%** có tỷ lệ các cơ sở thực hiện sát trùng cao nhất

Tây Ninh **11.1%** có tỷ lệ các cơ sở thực hiện sát trùng trước khi vào, ra khu vực nuôi động vật hoang dã thấp nhất

Theo chủ, người quản lý cơ sở nuôi, cơ sở nuôi động vật hoang dã không có hồ sát trùng bởi vì quy mô nuôi nhỏ, động vật hoang dã ít bị dịch bệnh và không có cơ quan nhà nước nào yêu cầu hay hướng dẫn phải có hồ sát trùng. Một số cơ sở nuôi không muốn đặt hồ sát trùng vì sợ hóa chất sát trùng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh trưởng, phát triển của động vật hoang dã nuôi.



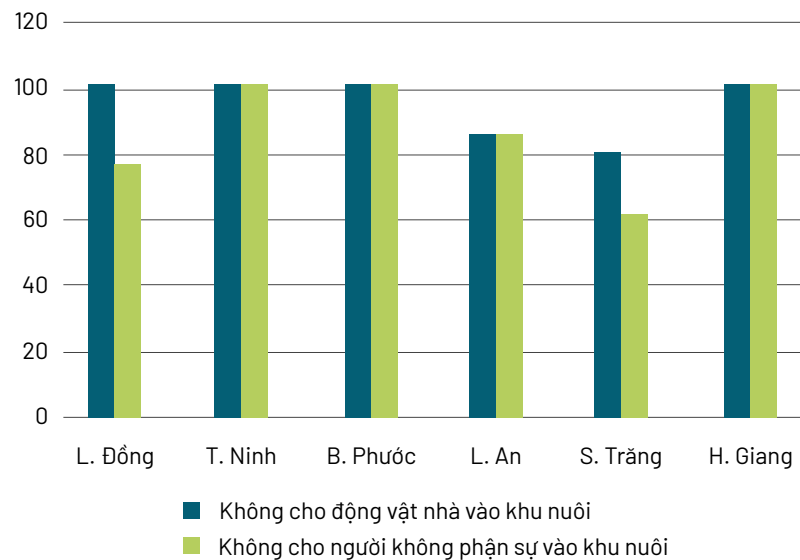
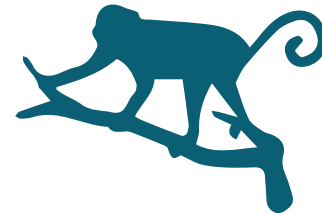
Hình 04: Sát trùng tại một số cơ sở nuôi động vật hoang dã

3.1.4. Không cho động vật nhà, người không phận sự vào khu nuôi động vật hoang dã

Kết quả khảo sát 41 cơ sở nuôi động vật hoang dã tại Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Sóc Trăng và Hậu Giang ghi nhận chỉ có 03 cơ sở nuôi động vật hoang dã (02 cơ sở tại Sóc Trăng và 01 Cơ sở tại Long An) cho động vật nhà được tự do ra, vào cơ sở nuôi và 05 cơ sở cho người lạ vào khu vực nuôi động vật hoang dã (04 cơ sở tại Sóc Trăng và 01 cơ sở tại Long An). Tỷ lệ cơ sở nuôi động vật hoang dã được khảo sát không cho động vật nhà, người lạ vào khu nuôi động vật hoang dã được thể hiện trên Hình 05.

03 cơ sở nuôi động vật hoang dã

05 cơ sở cho người lạ vào khu vực nuôi động vật hoang dã



Hình 05: Tỷ lệ cơ sở không cho động vật nhà, người không phận sự vào khu vực nuôi động vật hoang dã



Hình 06: Khu nuôi động vật hoang dã được khóa để không cho động vật nhà và người không có phận sự vào khu vực nuôi

Theo các chủ nuôi động vật hoang dã, việc không cho động vật nhà vào khu vực nuôi động vật hoang dã ngoài việc đảm bảo động vật nhà không tấn công, gây căng thẳng cho động vật hoang dã mà còn góp phần hạn chế dịch bệnh lây truyền qua lại giữa động vật nhà và động vật hoang dã đồng thời giảm thiểu nguy cơ, rủi ro bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Chủ cơ sở nuôi động vật hoang dã không cho người lạ vào chuồng nuôi vì sợ lây bệnh cho động vật hoang dã.

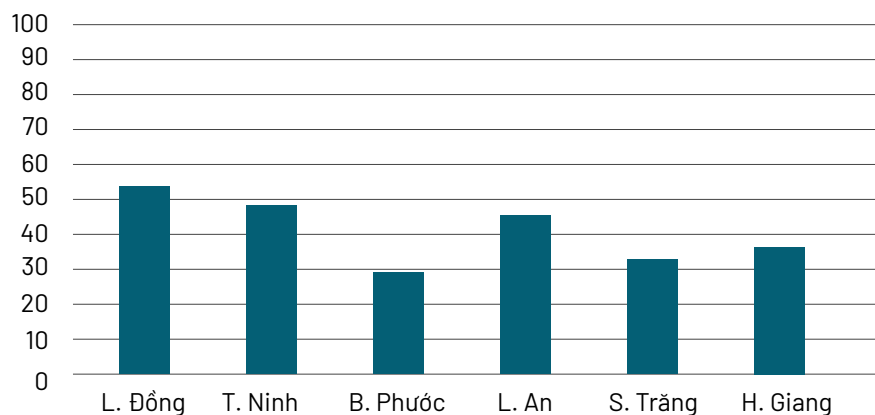
3.1.5. Tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã

Tiêm vắc-xin là một biện pháp quan trọng nhằm phòng bệnh cho động vật hoang dã qua đó góp phần làm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm bệnh từ động vật hoang dã sang người. Tuy nhiên, kết quả khảo sát các cơ sở nuôi tại Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Hậu Giang và Sóc Trăng ghi nhận tỷ lệ cơ sở nuôi tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã rất thấp, trong số 41 cơ sở được khảo sát chỉ có 16 thực hiện tiêm vắc-xin động vật hoang dã, trong đó Lâm Đồng có tỷ lệ số cơ sở tiêm cao nhất (50%) và Bình Phước có tỷ lệ số cơ sở tiêm thấp nhất (25%). Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã tại Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Hậu Giang và Sóc Trăng được thể hiện trên Hình 07.

16/41
cơ sở thực hiện tiêm vắc-xin động vật hoang dã

50%
Lâm Đồng có tỷ lệ số cơ sở tiêm cao nhất

25%
Bình Phước có tỷ lệ số cơ sở tiêm thấp nhất

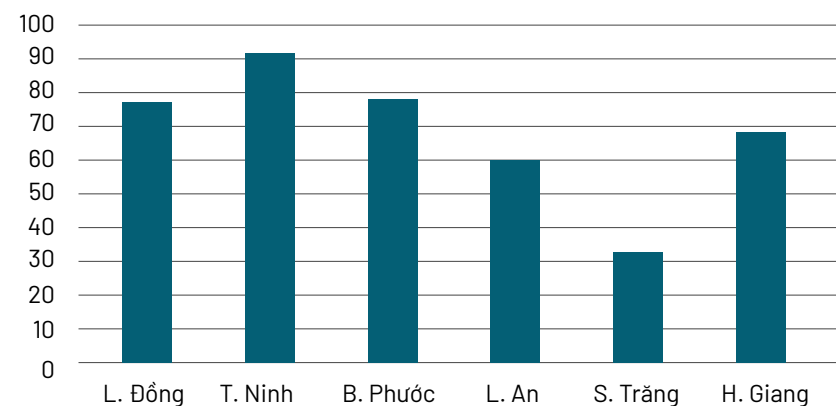


Hình 07: Tỷ lệ cơ sở nuôi khảo sát tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã

Tỷ lệ cơ sở tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã nuôi nhất thấp vì theo các chủ nuôi và cán bộ Chi cục Chăn nuôi và Thú y khảo sát, hiện không mắc bệnh và thường khỏe mạnh hơn các cơ sở khác; không được cơ quan thú y yêu cầu tiêm; không có vắc-xin riêng cho động vật hoang dã, một số cơ sở sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của động vật khi tiêm.

3.1.6. Vị trí đặt chuồng nuôi

Vị trí đặt chuồng nuôi sẽ ảnh hưởng đến mức độ và tần suất của việc tiếp xúc giữa người và động vật hoang dã. Vị trí chuồng nuôi càng đặt gần nhà, việc tiếp xúc cả trực tiếp và gián tiếp với động vật hoang dã của những người trong gia đình càng tăng, do đó nguy cơ, rủi ro dịch bệnh từ động vật hoang dã sang người càng tăng và ngược lại.



Hình 08: Tỷ lệ các cơ sở nuôi được khảo sát có chuồng nuôi đặt tách biệt với khu vực sinh hoạt của gia đình

Kết quả khảo sát cho thấy, trong số 41 cơ sở nuôi động vật hoang dã được khảo sát, chỉ có 26 cơ sở (chiếm 63,4%) có chuồng nuôi đặt tách biệt với khu vực sinh hoạt của gia đình và có 15 cơ sở có chuồng nuôi đặt trong khu vực sinh hoạt chung của gia đình. Trong các tỉnh khảo sát, Tây Ninh có tỷ lệ các cơ sở nuôi đặt tách biệt với khu vực sinh hoạt của gia đình cao nhất (88,9%) và Sóc Trăng có tỷ lệ thấp nhất (30%). Tỷ lệ các cơ sở nuôi được khảo sát có chuồng nuôi đặt tách biệt với khu vực sinh hoạt của gia đình tại các tỉnh khảo sát được thể hiện trên Hình 08.

26/41

cơ sở có chuồng nuôi đặt tách biệt với khu vực sinh hoạt của gia đình

88.9%

Tây Ninh có tỷ lệ cao nhất

30%

Sóc Trăng có tỷ lệ thấp nhất

Các cơ sở nuôi đặt tách biệt với khu vực sinh hoạt của gia đình

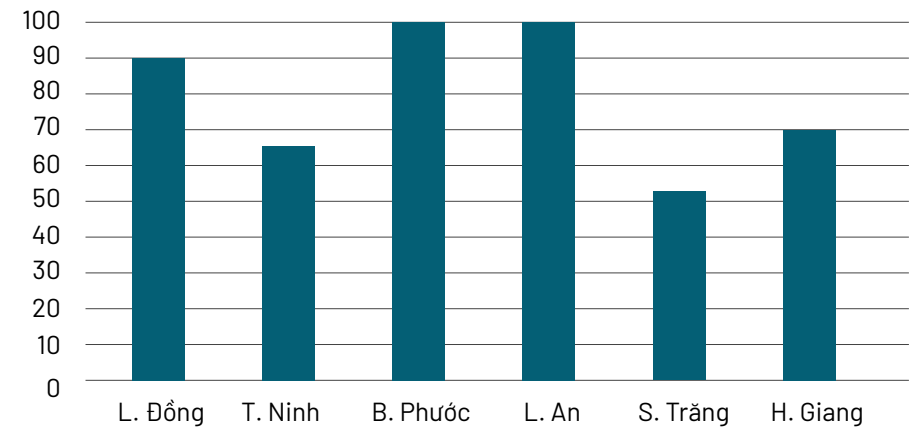




Hình 09: Chuồng nuôi ĐVHD đặt trong khu vực sinh hoạt chung của gia đình

3.1.7. Sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã

Sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình vệ sinh chuồng trại, chăm sóc động vật hoang dã sẽ giúp bảo vệ người nuôi, chăm sóc khỏi bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Tuy nhiên, kết quả khảo sát các cơ sở nuôi tại Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Hậu Giang và Sóc Trăng ghi nhận tỷ lệ cơ sở nuôi sử dụng đồ bảo hộ khi vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã là tương đối cao, trong số 41 cơ sở được khảo sát có 30 cơ sở có áp dụng (73,1%). Tuy nhiên, đồ bảo hộ tương đối đơn giản, chủ yếu là khẩu trang, một số ít cơ sở chủ nuôi có sử dụng ủng, áo mưa trong quá trình vệ sinh, cho động vật ăn. Các tỉnh như Long An, Bình Phước, Lâm Đồng có tỷ lệ người nuôi sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã cao, trong khi các tỉnh như Tây Ninh và Sóc Trăng có tỷ lệ thấp hơn. Tỷ lệ cơ sở được khảo sát có sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã được thể hiện trên Hình 10.



Hình 10: Tỷ lệ cơ sở được khảo sát có sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã

3.1.8. Xử lý đồ bảo hộ và rửa dụng cụ vệ sinh sau khi vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã gây nuôi

Việc xử lý đồ bảo hộ như giặt và phơi khô quần áo, ủng, găng tay; rửa dụng cụ vệ sinh và phơi khô; vứt bỏ khẩu trang, v.v sau khi vệ sinh, chăm sóc động vật ngoài việc đảm bảo vệ sinh còn giúp hạn chế sự phát tán, lây lan mầm bệnh từ khu vực nuôi động vật hoang dã sang người, không chỉ là người trực tiếp tham gia vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã mà còn cả những người có tiếp xúc với đối tượng này. Kết quả khảo sát cho thấy:

- Tỷ lệ cơ sở nuôi động vật hoang dã được khảo sát có thực hiện xử lý đồ bảo hộ sau khi vệ sinh, chăm sóc động vật rất thấp. Trong số 41 cơ sở nuôi được khảo sát chỉ có 13 cơ sở nuôi có thực hiện các biện pháp xử lý đồ bảo hộ (31,7% tổng số cơ sở khảo sát). Phương pháp xử lý của người nuôi, chăm sóc động vật hoang dã khá đơn giản, chủ yếu là vứt bỏ khẩu trang, rất ít các cơ sở có thực hiện giặt quần áo, đồ bảo hộ. Trong các tỉnh được khảo sát, Hậu Giang (66,7% số cơ sở được khảo sát) có tỷ lệ số cơ sở thực hiện xử lý đồ bảo hộ cao và Tây Ninh (22,2%) có tỷ lệ số cơ sở thực hiện xử lý đồ bảo hộ thấp nhất.
- Tỷ lệ cơ sở nuôi động vật hoang dã có thực hiện xử lý dụng cụ vệ sinh sau khi vệ sinh chuồng trại tương đối cao. Trong số 40 cơ sở nuôi được khảo sát có ý kiến, có 30 cơ sở có rửa dụng cụ vệ sinh sau khi vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã (trung bình 75% tổng số cơ sở). Trong các tỉnh được khảo sát, Hậu Giang có tỷ lệ cơ sở thực hiện rửa dụng cụ vệ sinh sau khi sử dụng cao nhất (100%) và Sóc Trăng có tỷ lệ thấp nhất (60%). Theo các chủ nuôi, không cần thiết phải rửa dụng cụ vệ sinh ngay sau khi sử dụng vì động vật hoang dã ít bệnh.
- Tỷ lệ cơ sở được khảo sát có xử lý đồ bảo hộ và rửa dụng cụ vệ sinh sau khi vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã được thể hiện trên Hình 11.

Bảng 02: Tỷ lệ cơ sở nuôi có xử lý khi bị động vật hoang dã cắn

Biện pháp	Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện (%)					
	L. Đồng	T. Ninh	B.Phước	L. An	S.Trắng	H. Giang
Rửa và sát trùng vết thương khi bị động vật cắn	75	100	66,7	57,1	60	66,7
Khám và xử lý vết thương theo hướng dẫn của nhân viên y tế	37,5	12,5	0	28,6	20	0
Theo dõi sức khỏe sau khi bị ĐVHD cắn	37,5	62,5	33,3	14,3	40	0
Khám sức khỏe định kỳ	71,4	62,5	100	42,9	30	0

Kết quả khảo sát cho thấy, những biện pháp xử lý sau khi bị động vật hoang dã cắn khác nhau trong cùng một cơ sở và giữa các cơ sở khác nhau.

- Rửa và sát trùng vết thương khi bị động vật cắn: Về cơ bản, người bị động vật hoang dã thường chỉ sát trùng vết thương, trong số 40 cơ sở được khảo sát có ý kiến, có 28 cơ sở có thực hiện rửa và sát trùng vết thương do động vật hoang dã cắn (70% số cơ sở), trong đó Tây Ninh có tỷ lệ số cơ sở thực hiện biện pháp này cao nhất (100%) và Long An có tỷ lệ thấp nhất (57,1%).

28/40

cơ sở có thực hiện rửa và sát trùng vết thương do ĐVHD cắn (**70% số cơ sở**)

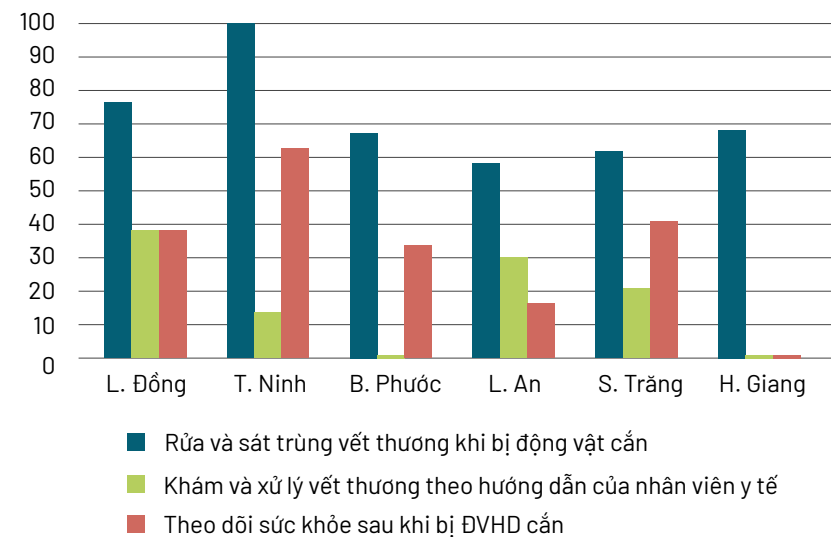
100%

Tây Ninh có tỷ lệ người đến khám cao nhất

Các cơ sở thực hiện biện pháp này

57.1%

Long An có tỷ lệ thấp nhất



Hình 13: Tỷ lệ người được hỏi có xử lý vết thương và theo dõi sức khỏe sau khi bị động vật hoang dã cắn

- Khám và xử lý vết thương theo hướng dẫn của nhân viên y tế: Tại các cơ sở nuôi động vật hoang dã được khảo sát, tỷ lệ người bị động vật hoang dã cắn có đến cơ sở y tế khám và xử lý vết thương theo hướng dẫn của nhân viên y tế là rất thấp. Trong số trong số 40 cơ sở được khảo sát có ý kiến, chỉ có 08 cơ sở cho biết, người bị động vật hoang dã cắn có đến cơ sở y tế khám và xử lý vết thương theo hướng dẫn của nhân viên y tế (20% trường hợp), trong đó Tây Ninh có tỷ lệ người đến khám cao nhất (37,5%), Bình Phước và Hậu Giang không ghi nhận trường hợp nào bị động vật hoang dã cắn có đến cơ sở y tế khám (0%).

8/40

người bị động vật hoang dã cắn có đến cơ sở y tế khám và xử lý vết thương theo hướng dẫn của nhân viên y tế (**20% trường hợp**)

37,5%

Tây Ninh có tỷ lệ người đến khám cao nhất

0%

Bình Phước và Hậu Giang không ghi nhận trường hợp nào bị động vật hoang dã cắn có đến cơ sở y tế khám

- Theo dõi sức khỏe sau khi bị ĐVHD cắn: Tại các cơ sở nuôi động vật hoang dã được khảo sát, số trường hợp có theo dõi sức khỏe sau khi bị động vật hoang dã cắn tương đối thấp. Trong số 40 cơ sở được khảo sát có ý kiến, chỉ có 14 cơ sở cho biết, người bị động vật hoang dã cắn có theo dõi sức khỏe (35%), trong đó Tây Ninh có tỷ lệ người theo dõi sức khỏe cao nhất (62,5%) và Hậu Giang không ghi nhận trường hợp nào người bị động vật hoang dã cắn có theo dõi sức khỏe (0%).

14/40

người bị động vật hoang dã cắn có theo dõi sức khỏe

62.5%

Tây Ninh có tỷ lệ người theo dõi sức khỏe cao nhất

0%

Hậu Giang không ghi nhận trường hợp nào người bị động vật hoang dã cắn có theo dõi sức khỏe

Theo những người nuôi, chăm sóc động vật hoang dã được phỏng vấn, họ không thực hiện khám, xử lý vết thương theo hướng dẫn của nhân viên y tế và theo dõi sức khỏe sau khi bị động vật hoang dã cắn vì không nghĩ động vật hoang dã có thể lây bệnh cho người.

3.1.11. Xử lý khi động vật hoang dã bị ốm

Động vật hoang dã bị ốm trong quá trình nuôi nhốt cần chăm sóc, chữa trị để nhằm đảm bảo sức khỏe cho động vật hoang dã, qua đó góp phần giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm bệnh từ động vật hoang dã sang người. Kết quả khảo sát về các biện pháp mà chủ cơ sở nuôi đã thực hiện khi động vật hoang dã bị bệnh được thể hiện tại Bảng 03.

Bảng 03: Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện các biện pháp xử lý khi động vật hoang dã bị bệnh

Biện pháp	Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện (%)					
	L. Đồng	T. Ninh	B. Phước	L. An	S. Trăng	H. Giang
Mời bác sĩ thú y khám và điều trị bệnh cho ĐVHD bị ốm	42,9	0	25	14,3	20	0
Tự chữa bệnh cho ĐVHD	57,1	100	100	42,9	88,9	100
Biện pháp khác	0	22,2	0	14,3	0	0
Không làm gì	0	0	0	0	0	0

Kết quả khảo sát cho thấy, đa phần cơ sở nuôi tự mua thuốc và chữa trị khi động vật hoang dã bị bệnh, trong số 40 cơ sở được hỏi và có ý kiến, có 31 cơ sở tự thực hiện chữa bệnh khi động vật hoang dã bị ốm (chiếm 77,5%), trong đó Tây Ninh, Bình Phước và Hậu Giang có tỷ lệ cơ sở nuôi tự chữa bệnh khi động vật hoang dã bị bệnh cao nhất (100%) và Long An có tỷ lệ thấp nhất (42,9%). Tỷ lệ cơ sở nuôi có mời bác sĩ thú y khám và chữa bệnh cho động vật hoang dã rất thấp, trong số 40 cơ sở nuôi được khảo sát có ý kiến, chỉ có 07 cơ sở cho biết sẽ mời bác sĩ thú y về khám và chữa bệnh cho động vật hoang dã (17,5%). Theo các chủ cơ sở nuôi động vật hoang dã và Chi cục Chăn nuôi và Thú y, chủ sở sở nuôi thường tự chữa trị bệnh khi động vật hoang dã bị ốm vì bác sĩ thú y hiện nay không có hiểu biết và kinh nghiệm về chữa trị bệnh cho động vật hoang dã.

Bên cạnh đó, một số cơ sở nuôi cho biết khi động vật hoang dã bị ốm, họ có tham vấn cơ quan y tế địa phương trước khi mua thuốc điều trị, một số cơ sở có báo cho cơ quan Kiểm lâm.

31/40

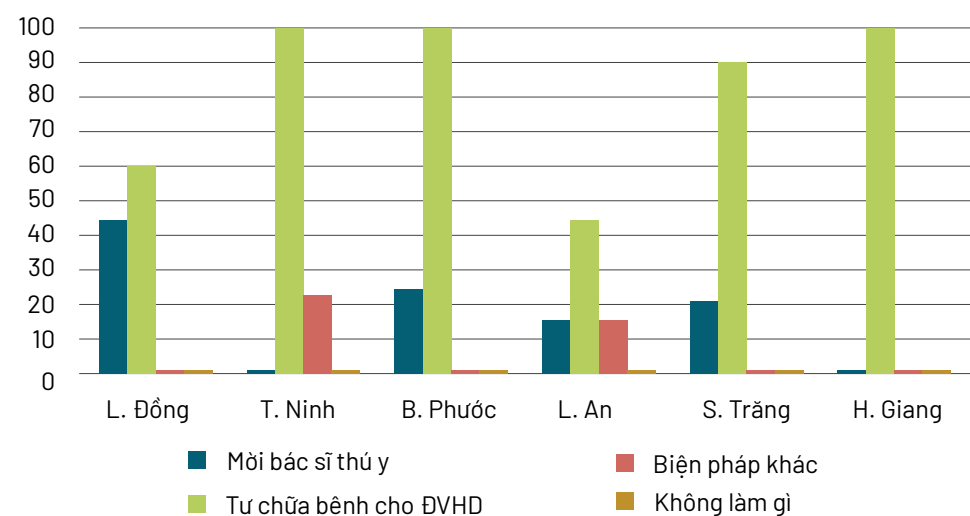
cơ sở tự thực hiện chữa bệnh khi động vật hoang dã bị ốm (chiếm 77,5%)

100%

Tây Ninh, Bình Phước và Hậu Giang có tỷ lệ cơ sở nuôi tự chữa bệnh khi động vật hoang dã bị bệnh cao nhất

42.9%

Long An có tỷ lệ thấp nhất



Hình 14: Tỷ lệ cơ sở nuôi có xử lý khi động vật hoang dã bị ốm

3.1.12. Xử lý khi động vật hoang dã nuôi chết không rõ nguyên nhân

Xử lý động vật hoang dã bị chết không rõ nguyên nhân không chỉ là biện pháp quan trọng nhằm phòng bệnh cho các cá thể khỏe mạnh trong cơ sở nuôi mà còn góp phần giảm thiểu nguy cơ, rủi ro bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

Một số biện pháp xử lý mà chủ nuôi áp dụng khi động vật hoang dã gây nuôi bị chết không rõ nguyên nhân tại một số cơ sở nuôi động vật hoang dã ở Lâm Đồng, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, Hậu Giang và Sóc Trăng được thống kê vào Bảng 04.

Bảng 04: Tỷ lệ cơ sở nuôi có xử lý khi ĐVHD bị chết không rõ nguyên nhân

Biện pháp	Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện (%)					
	L. Đồng	T. Ninh	B. Phước	L. An	S. Trăng	H. Giang
Báo cho cơ quan Kiểm lâm	83,3	87,5	100	85,7	80	66,7
Báo cho chính quyền địa phương/cơ quan thú y	33,3	0	0	50	20	0
Bán động vật hoang dã bị chết	0	0	0	0	0	0
Tự tiêu hủy động vật bị chết	100	100	100	100	80	100
Sử dụng ĐVHD bị chết làm thực phẩm	0	0	0	0	10	0
Biện pháp khác	0	0	0	0	0	0
Không làm gì	0	0	0	0	0	0

- Về chế độ báo cáo khi động vật hoang dã bị chết: Theo quy định tại khoản 1, Điều 19, Luật Thú y năm 2015 và khoản 1, Điều 7, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, trường hợp động vật nuôi (gồm cả động vật hoang dã nuôi) bị chết bất thường mà không rõ nguyên nhân phải thực hiện ngay việc khai báo dịch bệnh động vật cho nhân viên thú y cấp xã, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi gần nhất. Tuy nhiên, kết quả khảo sát chỉ ra rằng, việc thực hiện quy định này của chủ các cơ sở nuôi chưa tốt, trong số 38 cơ sở nuôi có ý kiến, chỉ có 07 cơ sở cho biết đã hoặc sẽ thông báo cho cơ quan thú y, chính quyền địa phương khi động vật hoang dã nuôi bị chết (18,4%) và có tới 31 cơ sở nuôi đã và sẽ không báo cho cơ quan thú y hoặc chính quyền địa phương (81,6%). Trong khi đó, chủ nuôi lại thường báo cho cơ quan Kiểm lâm mặc dù pháp luật về lâm nghiệp không quy định trách nhiệm báo cáo khi động vật hoang dã nuôi bị chết.

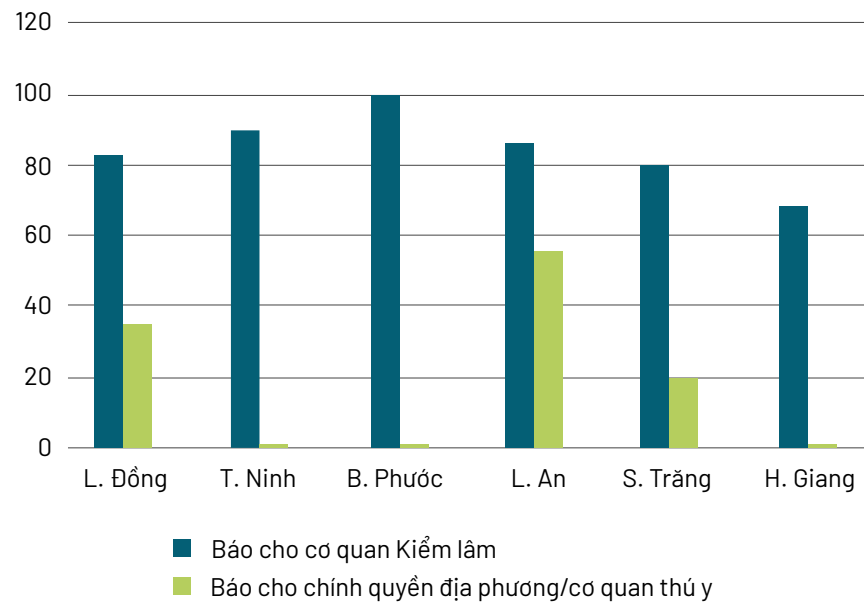
7/38 cơ sở cho biết đã hoặc sẽ thông báo cho cơ quan thú y, chính quyền địa phương khi động vật hoang dã nuôi bị chết (**chiếm 18,4%**)

31/38 cơ sở nuôi đã và sẽ không báo cho cơ quan thú y hoặc chính quyền địa phương (**chiếm 81,6%**)

Trong số 38 cơ sở có ý kiến, có 32 cơ sở sẽ báo cáo cơ quan Kiểm lâm khi động vật hoang dã bị chết (84,2%), chỉ có 06 cơ sở cho biết không báo cáo cơ quan Kiểm lâm (15,8%). Điều này phản ánh hiểu biết của người nuôi động vật hoang dã đối với các quy định pháp luật về thú y còn rất hạn chế cũng như vai trò của Chi cục Chăn nuôi và Thú y đối với công tác quản lý nhà nước về thú y liên quan đến động vật hoang dã còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát có báo cáo cho cơ quan Kiểm lâm, Thú y/Chính quyền địa phương khi động vật hoang dã nuôi bị chết không rõ nguyên nhân được thể hiện trên Hình 15.

32/38 cơ sở sẽ báo cáo cơ quan Kiểm lâm khi động vật hoang dã bị chết (**chiếm 84,2%**)

06 cơ sở cho biết không báo cáo cơ quan Kiểm lâm (**chiếm 15,8%**)



Hình 15: Tỷ lệ cơ sở nuôi thực hiện báo cáo khi ĐVHD bị chết

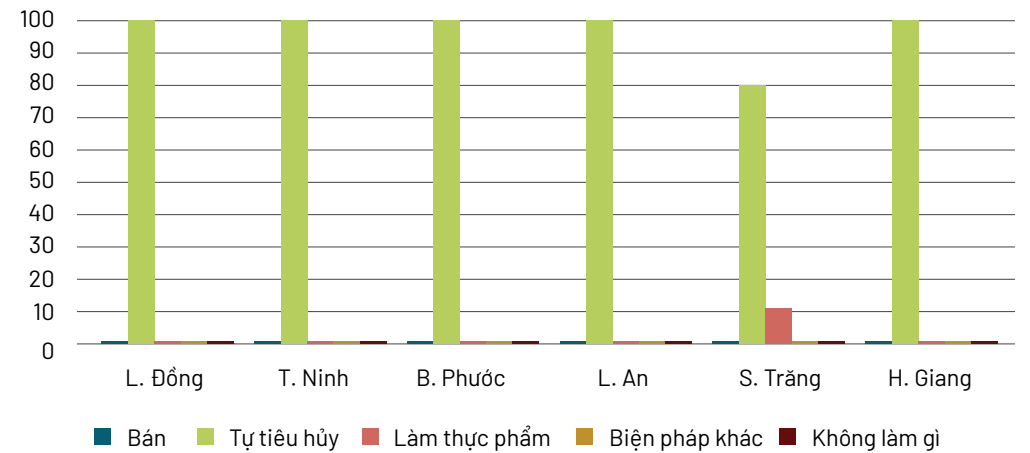
Về xử lý xác động vật hoang dã bị chết không rõ nguyên nhân: Kết quả khảo sát cho thấy, khi động vật hoang dã tại cơ sở nuôi bị chết, xác động vật thường được người dân tiêu hủy. Trong số 38 cơ sở có ý kiến, có 35 cơ sở cho biết họ đã tiêu hủy xác động vật hoang dã bị chết không rõ nguyên nhân (92,1%), chỉ có 02 cơ sở cho biết đã sử dụng động vật hoang dã bị chết làm thực phẩm (5,3%). Không có cơ sở nào bán hoặc sử dụng biện pháp khác để xử lý xác động vật hoang dã bị chết (0%). Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện các biện pháp xử lý xác động vật hoang dã nuôi bị chết không rõ nguyên nhân được thể hiện trên Hình 16.

35/38

cơ sở cho biết họ đã tiêu hủy xác động vật hoang dã bị chết không rõ nguyên nhân (**chiếm 92,1%**)

02/38

cơ sở cho biết đã sử dụng động vật hoang dã bị chết làm thực phẩm (**chiếm 5,3%**)



Hình 16: Tỷ lệ cơ sở nuôi được khảo sát thực hiện các biện pháp xử lý xác động vật hoang dã nuôi bị chết không rõ nguyên nhân

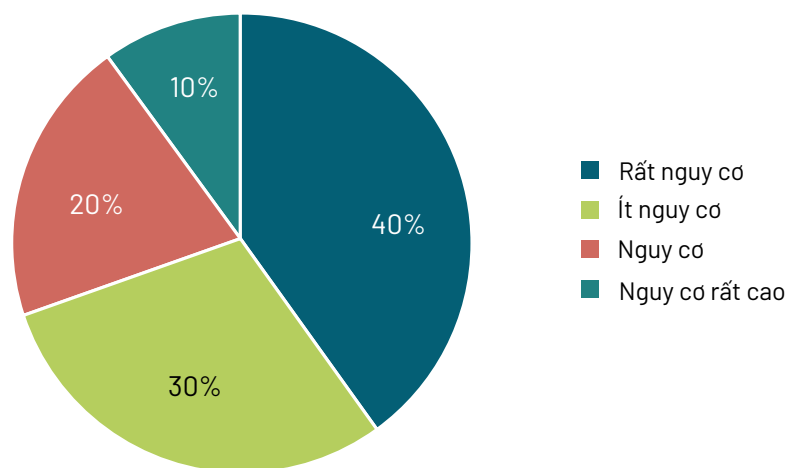




3.2. Nhận thức của chủ nuôi về những nguy cơ và rủi ro bị bệnh từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người

Nhận thức và quan điểm của chủ nuôi đối với những nguy cơ, rủi ro về dịch bệnh từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người là yếu tố quan trọng nhằm thúc đẩy chủ nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

Kết quả khảo sát tại Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Hậu Giang và Sóc Trăng ghi nhận chỉ có 24,4% tổng số cơ sở nuôi cho rằng có nguy cơ, rủi ro mắc bệnh lây truyền từ nuôi động vật hoang dã và có tới 75,5% tổng số cơ sở nuôi cho rằng không có nguy cơ, rủi ro. Sở dĩ các chủ nuôi, người chăm sóc cho rằng không có nguy cơ, rủi ro mắc bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người vì động vật hoang dã ít bị bệnh, bản thân họ cũng như các cơ sở nuôi khác chưa bị bệnh. Mặt khác, số cơ sở nuôi được tập huấn, tuyên truyền về nguy cơ, rủi ro cũng như các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người rất thấp. Chỉ có 36,6% tổng số cơ sở được khảo sát cho biết đã được cơ quan Thú y, cơ quan Kiểm lâm hoặc qua sách báo biết về bệnh lây truyền cũng như biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.



Hình 17: Mức độ rủi ro bị bệnh từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người theo quan điểm của các chủ nuôi

Trong số các cơ sở nuôi cho rằng có nguy cơ, rủi ro bị bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, có 40% số cơ sở cho rằng rất ít nguy cơ, 30% số cơ sở cho rằng ít nguy cơ, 20% số cơ sở cho rằng có nguy cơ và 10% số cơ sở cho rằng có nguy cơ rất cao bị bệnh lây truyền từ hoạt động nuôi động vật hoang dã. Mức độ rủi ro bị bệnh từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người theo quan điểm của các chủ, người quản lý động vật hoang dã cho rằng có nguy cơ tại các tỉnh khảo sát được thể hiện trên Hình 17.

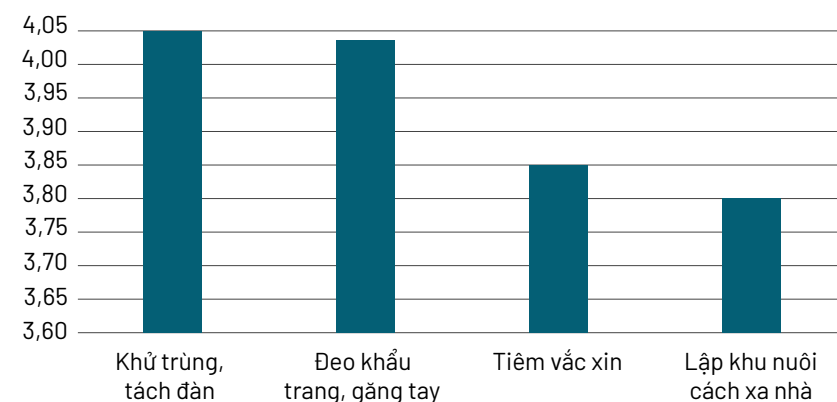
3.3. Thái độ của chủ nuôi đối với việc áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Thái độ của chủ nuôi đối với việc áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người là một trong những chỉ dấu quan trọng nhằm xác định những biện pháp mà chủ nuôi thích và muốn áp dụng, cũng như lý do họ không áp dụng các biện pháp khác, qua đó giúp đề xuất các chính sách cũng như các biện pháp phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của chủ nuôi.

Để đánh giá thái độ của chủ nuôi đối với việc áp dụng một số biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, chúng tôi chia thành 04 nhóm giải pháp như sau:

Thái độ của chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã đối với từng nhóm giải pháp trên được chia thành 05 cấp độ:

- 1 Biện pháp khử trùng chuồng nuôi, trước khi ra vào chuồng nuôi và cách ly khi động vật bị ốm hoặc nhập động vật mới về cơ sở;
- 2 Biện pháp sử dụng đồ bảo hộ cá nhân trong quá trình vệ sinh, chăm sóc động vật hoang dã;
- 3 Tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã;
- 4 Khu vực nuôi động vật hoang dã đặt xa khu vực sinh hoạt của gia đình

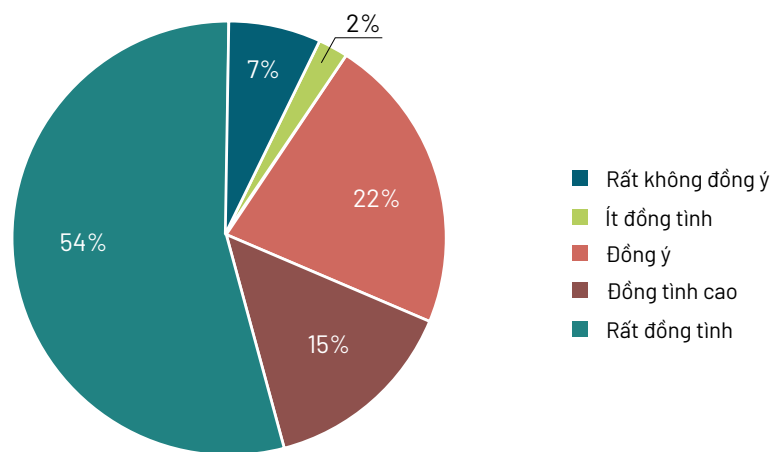


Hình 18: Thái độ của chủ nuôi với một số biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Kết quả khảo sát cho thấy, cơ bản người dân ủng hộ thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người nêu trên. Trong đó, nhóm giải pháp khử trùng chuồng nuôi, trước và sau khi ra, vào chuồng nuôi được người nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã ưa thích sử dụng nhất, trung bình đạt 4,05 điểm, tiếp đó là nhóm giải pháp sử dụng đồ bảo hộ, trung bình đạt 4,02 điểm. Nhóm giải pháp khử trùng chuồng nuôi, trước và sau khi ra, vào chuồng nuôi và nhóm giải pháp sử dụng đồ bảo hộ được người nuôi ủng hộ thực hiện vì chi phí thực hiện thấp, dễ làm đồng thời có tác dụng phòng, chống bệnh cho cả người nuôi và động vật hoang dã. Nhóm giải pháp để chuồng/khu nuôi động vật hoang dã xa nhà có điểm thấp nhất, trung bình đạt 3,78 điểm, vì theo các chủ nuôi, việc để chuồng/khu nuôi động vật hoang dã xa nhà chủ nuôi phải xây dựng mới chuồng trại, chi phí đầu tư lớn và người nuôi vẫn phải tiếp xúc trực tiếp với động vật hoang dã trong quá trình cho ăn, vệ sinh chuồng trại. Kết quả đánh giá thái độ của chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã với các nhóm giải pháp trên tại các cơ sở nuôi động vật hoang dã được khảo sát tại Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Sóc Trăng và Hậu Giang được thể hiện trên Hình 18.

3.3.1. Nhóm giải pháp khử trùng chuồng nuôi và cách ly động vật

Kết quả đánh giá về thái độ của chủ nuôi được khảo sát đối với biện pháp khử trùng chuồng nuôi, trước khi ra vào chuồng nuôi và cách ly khi động vật bị ốm hoặc nhập động vật mới về cơ sở được thể hiện trên Hình 19.



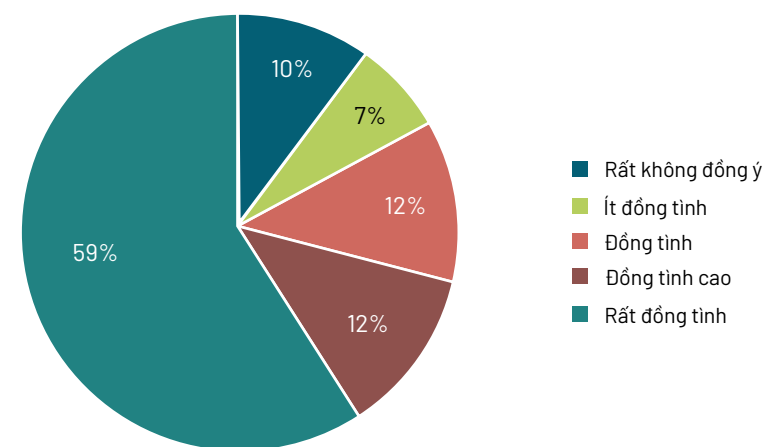
Hình 19: Thái độ của chủ nuôi đối với biện pháp khử trùng và cách ly

Kết quả khảo sát cho thấy, có 54% số cơ sở nuôi được khảo sát rất đồng tình, 22% số cơ sở đồng tình, 15% số cơ sở đồng tình cao và chỉ có 7% số cơ sở rất không đồng tình và 2% số cơ sở ít đồng tình áp dụng biện pháp khử trùng chuồng, khu nuôi trong quá trình nuôi, thực hiện sát trùng trước khi ra, vào chuồng nuôi và cách ly động vật hoang dã khi bị ốm hoặc khi mua thêm từ các cơ sở nuôi khác.

Theo các chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã, họ thường áp dụng biện pháp tiêu độc, khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi và cách ly động vật hoang dã mới nhập về cơ sở nhằm đảm bảo phòng, chống dịch bệnh cho động vật hoang dã và các biện pháp này không tốn kém. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng rất ít cơ sở nuôi có hố sát trùng đặt trước cửa khu vực ra vào chuồng nuôi động vật hoang dã, do họ không được cơ quan thú y hướng dẫn và một số chủ nuôi cho rằng việc này không cần thiết vì động vật hoang dã ít bị bệnh.

3.3.2. Nhóm giải pháp sử dụng đồ bảo hộ

Kết quả đánh giá về thái độ của chủ nuôi được khảo sát đối với biện pháp sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình chăm sóc, vệ sinh chuồng nuôi động vật hoang dã được thể hiện trên Hình 20.



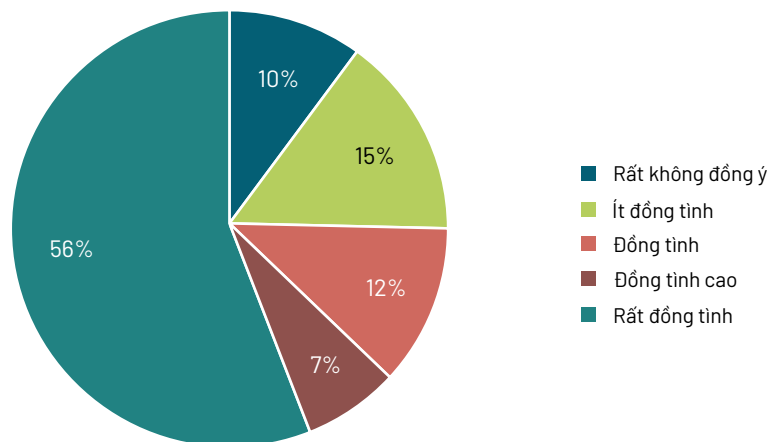
Hình 20: Thái độ của chủ nuôi đối với biện pháp sử dụng đồ bảo hộ

Kết quả khảo sát cho thấy, có 59% số cơ sở nuôi được khảo sát rất đồng tình, 12% số cơ sở đồng tình, 12% số cơ sở đồng tình cao và chỉ có 7% số cơ sở ít đồng tình và 9% số cơ sở rất không đồng tình áp dụng biện pháp sử dụng đồ bảo hộ khi chăm sóc, vệ sinh chuồng, trại nuôi động vật hoang dã.

Theo các chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã, họ thường sử dụng đồ bảo hộ (chủ yếu là đeo khẩu trang) khi chăm sóc, vệ sinh chuồng, trại nuôi động vật hoang dã nhằm đảm bảo vệ sinh và các biện pháp này không tốn kém.

3.3.3. Nhóm giải pháp tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã

Kết quả đánh giá về thái độ của chủ nuôi được khảo sát đối với biện pháp tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã được thể hiện trên Hình 21.



Hình 21: Thái độ của chủ nuôi đối với tiêm vắc-xin cho ĐVHD

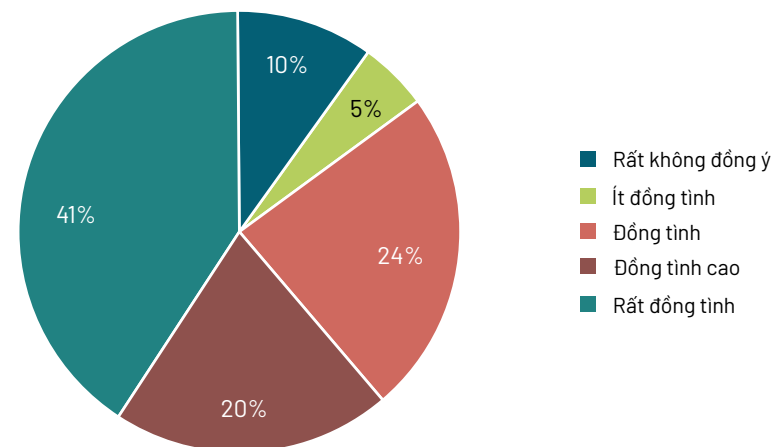
Kết quả khảo sát cho thấy, có 56% số cơ sở nuôi được khảo sát rất đồng tình, 15% số cơ sở ít đồng tình, 12% số cơ sở đồng tình, 10% số cơ sở rất không đồng tình và chỉ có 7% số cơ sở đồng tình cao tiêm vắc-xin động vật hoang dã. Theo các chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã, họ mong muốn được tiêm vắc-xin để phòng bệnh cho động vật hoang dã, tuy nhiên hiện nay chưa có vắc-xin riêng cho bệnh trên động vật hoang dã. Bên cạnh đó, một số cơ sở không đồng tình tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã vì họ sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của chúng và gia tăng chi phí.

3.3.4. Nhóm giải pháp đưa chuồng nuôi xa nhà ở

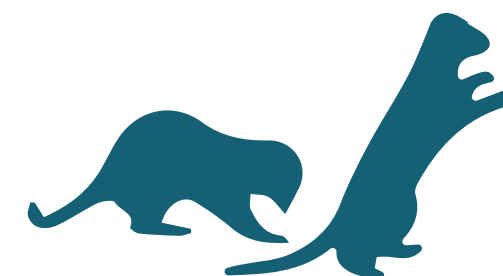
Kết quả đánh giá về thái độ của chủ nuôi được khảo sát đối với biện pháp đưa chuồng nuôi động vật hoang dã ra xa nhà ở, khu vực sinh hoạt chung của gia đình được thể hiện trên Hình 22.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 41% số cơ sở nuôi được khảo sát rất đồng tình, 24% số cơ sở đồng tình, 20% số cơ sở đồng tình cao, 10% số cơ sở rất không đồng tình và 5% số cơ sở ít đồng tình đưa chuồng nuôi ra xa nhà ở và khu vực sinh hoạt chung của gia đình. Những cơ sở đồng tình và đồng tình cao với việc đưa chuồng nuôi ra xa khu vực nhà ở vì họ cho rằng, việc để chuồng nuôi gần khu vực nhà ở, khu vực sinh hoạt của gia đình sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của động vật hoang dã, đặc biệt tiếng ồn, động vật nhà làm động vật hoang dã bị căng thẳng. Với những cơ sở không đồng tình hoặc ít đồng tình cho rằng việc đưa chuồng nuôi

ra xa khu vực nhà ở là không cần thiết vì động vật hoang dã ít bệnh, khó có khả năng lây bệnh cho người và việc để xa khu vực nhà ở thì người nuôi, chăm sóc vẫn phải hàng ngày tiếp xúc trực tiếp với động vật hoang dã gây nuôi. Bên cạnh đó, để chuồng nuôi xa nhà ở, khu vực sinh hoạt chung của gia đình, chủ nuôi sẽ phải đầu tư lại chuồng trại, tốn kém và một số cơ sở nuôi không có đất để làm việc đó. Tình hình an ninh tại địa phương cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho nhiều chủ nuôi không muốn để khu vực nuôi xa nơi ở của mình vì sợ bị mất cắp, nhất là những hộ nuôi dúi, nhím.



Hình 22: Thái độ của chủ nuôi đối với giải pháp đưa chuồng nuôi xa nhà ở

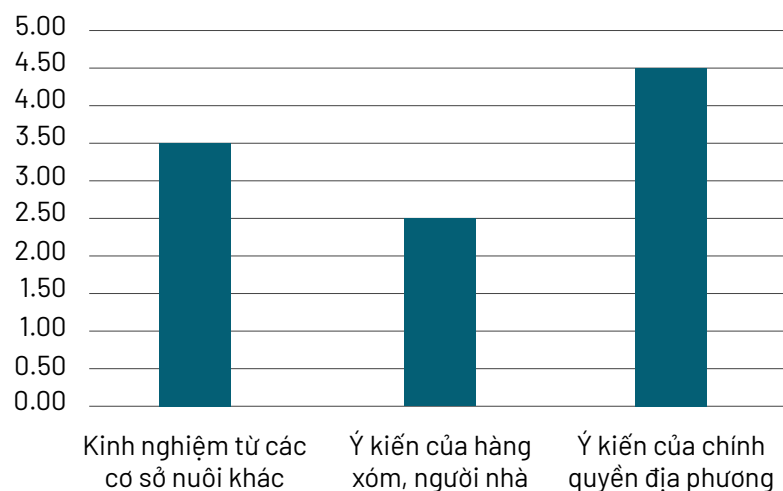


3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Để xem xét những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của chủ nuôi trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, chúng tôi đánh giá một số yếu tố sau:

01	02	03
Kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác;	Ý kiến của hàng xóm, người nhà;	Ý kiến của chính quyền địa phương.

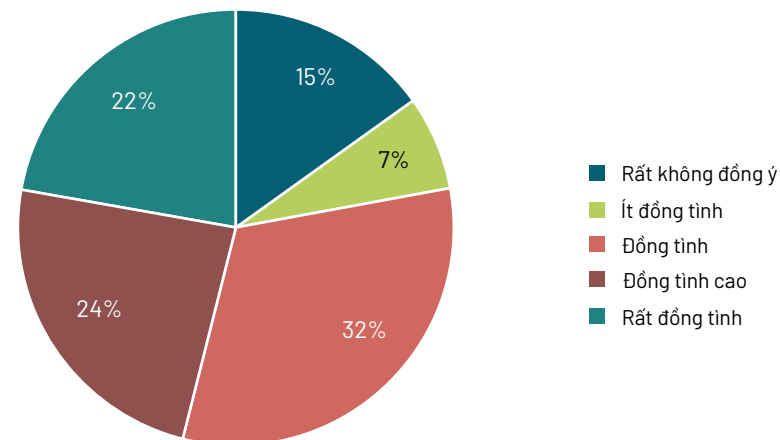
Kết quả khảo sát cho thấy, trong các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, ý kiến của chính quyền địa phương có ảnh hưởng đến chủ nuôi lớn nhất (trung bình 4,15/5 điểm), tiếp đó là kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác (3,32/5 điểm) và ít ảnh hưởng nhất là ý kiến của những người xung quanh (2,46/5 điểm). Theo phản ánh của các chủ nuôi, người chăm sóc động vật hoang dã, họ thường chỉ nghe khuyến cáo của chính quyền địa phương, cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Thú y. Một số cơ sở làm theo hướng dẫn, kinh nghiệm của các cơ sở nuôi khác. Ý kiến của hàng xóm, người nhà của người nuôi động vật hoang dã ít được chủ nuôi quan tâm, thực tế hàng xóm cũng không quan tâm chủ nuôi nuôi gì và họ cũng không có kinh nghiệm, kiến thức về phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.



Hình 23: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

3.4.1. Kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác

Kết quả đánh giá yếu tố kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác ảnh hưởng đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người được thể hiện trên Hình 24.



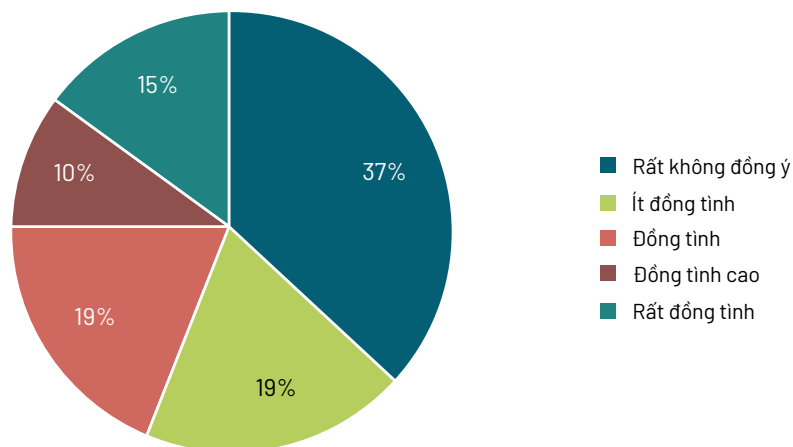
Hình 24: Kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác ảnh hưởng đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ ĐVHD sang người

Kết quả khảo sát cho thấy, có 32% số cơ sở nuôi được khảo sát đồng tình, 24% số cơ sở đồng tình cao, 22% số cơ sở đồng tình rất cao, 15% số cơ sở rất không đồng tình và chỉ có 7% số cơ sở ít đồng tình thực hiện theo kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi khác về các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã.

Như vậy, kinh nghiệm từ các cơ sở nuôi động vật hoang dã khác cũng tác động đến việc quyết định thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Mặc dù vậy, việc học tập kinh nghiệm từ các cơ sở tương tự là không dễ vì người nuôi thường có tâm lý giấu nghề, ít cởi mở với các chủ nuôi khác. Tâm lý tiểu nông, cá thể là một trong những nguyên nhân của hiện tượng trên.

3.4.2. Ý kiến của hàng xóm và người thân

Kết quả đánh giá ảnh hưởng từ những người hàng xóm và người thân đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người được thể hiện trên Hình 25.



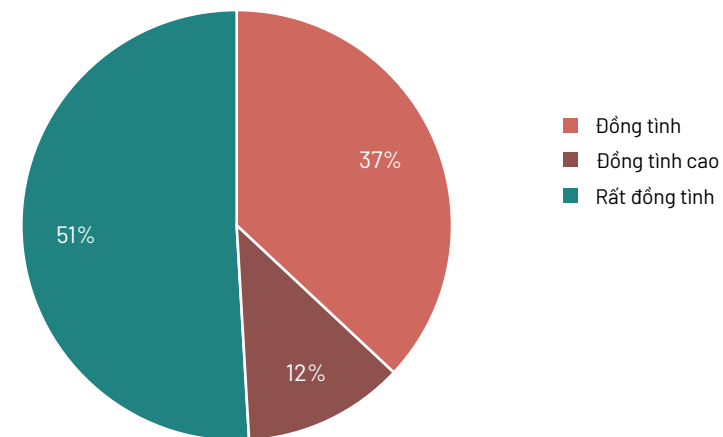
Hình 25: Ảnh hưởng từ những người hàng xóm và người thân ảnh hưởng đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Kết quả khảo sát cho thấy, có 37% số cơ sở nuôi được khảo sát rất không đồng tình, 19% số cơ sở đồng tình, 19% số cơ sở ít đồng tình, 15% số cơ sở rất đồng tình và chỉ có 10% số cơ sở đồng tình cao thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã theo những người hàng xóm, người thân trong gia đình. Theo một số chủ nuôi, số dĩ họ không nghe theo hàng xóm hoặc người thân vì họ không quan tâm cơ sở nuôi loài gì và bản thân họ cũng không có kinh nghiệm, kiến thức về phòng, chống dịch bệnh và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã.

Như vậy, ý kiến của dư luận xung quanh không có nhiều ảnh hưởng đến việc quyết định của chủ nuôi trong việc thực hiện hay không thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

3.4.3. Ý kiến của chính quyền địa phương

Ý kiến của chính quyền địa phương trong báo cáo này gồm ý kiến của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan Kiểm lâm, Cơ quan Thú y và quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá ảnh hưởng từ chính quyền địa phương (gồm cả cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Thú y) đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người của chủ nuôi được thể hiện trên Hình 26.



Hình 26: Ảnh hưởng từ chính quyền địa phương đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng bệnh lây truyền từ ĐVHD sang người

Kết quả khảo sát cho thấy, có 51% số cơ sở nuôi được khảo sát rất đồng tình, 37% số cơ sở đồng tình và 12% số cơ sở đồng tình cao với ý kiến của chính quyền địa phương đến quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người của chủ nuôi, không có trường hợp nào không đồng tình thực hiện theo ý kiến của chính quyền địa phương. Như vậy, việc pháp luật có quy định, việc cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (thú y, kiểm lâm) và chính quyền địa phương sở tại có ảnh hưởng to lớn đến việc chủ nuôi quyết định thực hiện các biện pháp phòng bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người. Do đó, bên cạnh việc ban hành các quy định pháp luật, cơ quan Thú y, Kiểm lâm và chính quyền địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho chủ nuôi biết về các quy định pháp luật, các nguy cơ và rủi ro cũng như các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã nuôi nhốt sang người.

3.4.4. Những yếu tố khác

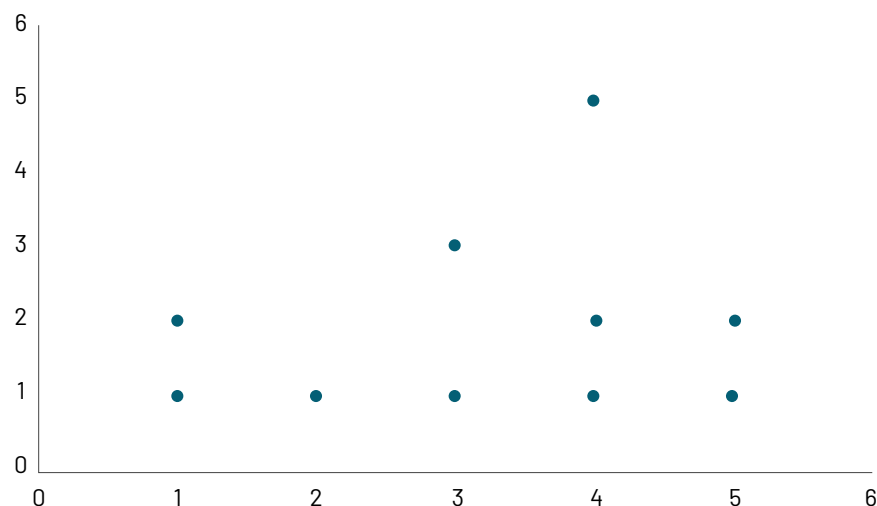
Kết quả khảo sát cũng ghi nhận một số yếu tố khác ảnh hưởng trực tiếp đến việc quyết định của chủ nuôi trong việc áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, cụ thể như sau:

3.4.4.1. Nhận thức của người dân về các nguy cơ, rủi ro

Nhận thức của người chăn nuôi về các nguy cơ, rủi ro về bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người là một nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến quá trình ra quyết định áp dụng các biện pháp phòng chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Chỉ khi nào người chăn nuôi nhận thức được các nguy cơ và rủi ro, khi đó họ mới chủ động áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

a) Mối quan hệ giữa nhận thức và thực hiện lập khu nuôi ĐVHD xa nhà, khu vực sinh hoạt chung của gia đình

Quan hệ giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ và rủi ro do bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người với việc để chuồng, trại nuôi xa nhà ở, khu vực sinh hoạt chung của gia đình được thể hiện trên Hình 27.

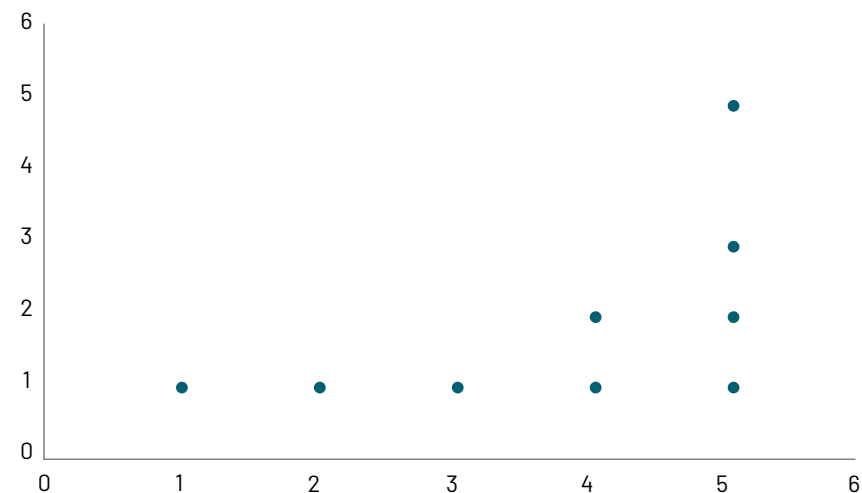


Hình 27: Mối quan hệ giữa nhận thức về các nguy cơ, rủi ro do bị bệnh truyền nhiễm với việc để chuồng nuôi ĐVHD xa nhà ở

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ, rủi ro bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người với việc quan điểm đặt chuồng, trại nuôi xa nhà, khu vực sinh hoạt chung của gia đình có mối quan hệ dương ($Cov = 0,041$). Tuy nhiên, mối quan hệ này rất yếu, hay nói cách khác hầu như không có mối quan hệ ($r = 0,041$). Kết quả tính toán này phù hợp với kết quả phỏng vấn, vì theo các chủ nuôi, lý do họ để chuồng, trại nuôi xa khu vực nhà để đảm bảo động vật hoang dã được yên tĩnh, không bị căng thẳng bởi con người và vật nuôi, chứ không phải mục đích chính để phòng bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

b) Mối quan hệ giữa nhận thức và thực hiện tiêu độc khử trùng

Quan hệ giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ và rủi ro do bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người với việc thực hiện tiêu độc khử trùng chuồng và dụng cụ chăn nuôi được thể hiện trên Hình 28.

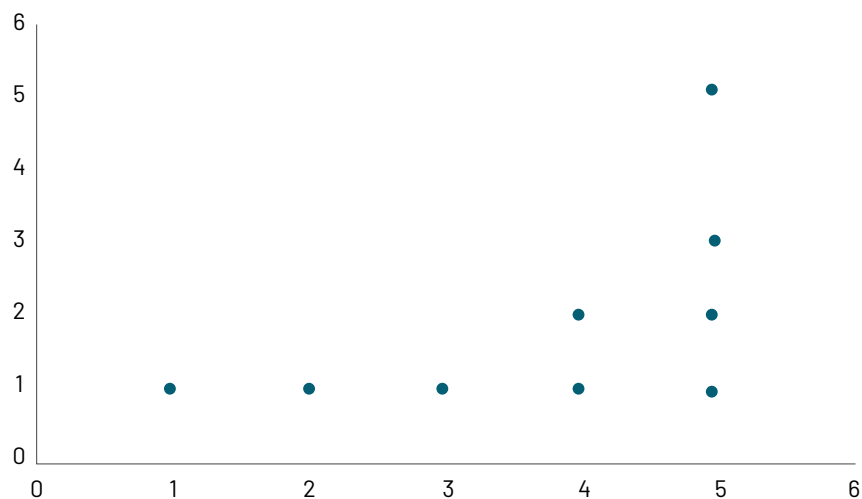


Hình 28: Mối quan hệ giữa nhận thức về các nguy cơ, rủi ro do bị bệnh truyền nhiễm với việc thực hiện tiêu độc, khử trùng

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ, rủi ro bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người và việc thực hiện tiêu độc khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi có mối tương quan dương ($Cov = 0,21$), tức nhận thức của người dân càng cao, họ càng quan tâm thực hiện tiêu độc khử trùng cho chuồng, dụng cụ chăn nuôi. Tuy nhiên, mối quan hệ này không chặt chẽ ($r = 0,225$). Kết quả tính toán này phù hợp với kết quả phỏng vấn, vì theo các chủ nuôi, lý do họ thực hiện tiêu độc, khử trùng chuồng, dụng cụ chăn nuôi là để phòng bệnh cho động vật hoang dã, không phải mục đích chính để phòng bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

c) Mối quan hệ giữa nhận thức và sử dụng đồ bảo hộ

Quan hệ giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ và rủi ro do bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người với việc sử dụng đồ bảo hộ (đeo khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ, v.v) được thể hiện trên Hình 29.



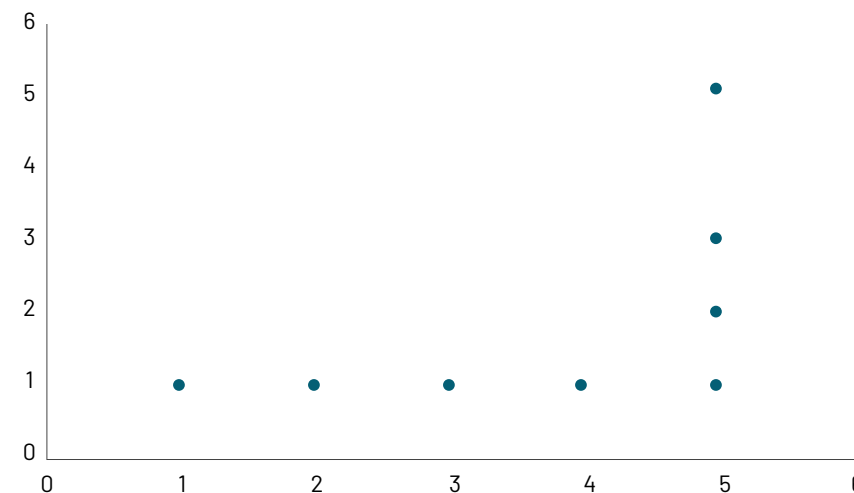
Hình 29: Mối quan hệ giữa nhận thức về các nguy cơ, rủi ro bị bệnh truyền nhiễm với việc sử dụng đồ bảo hộ

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ, rủi ro bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người và việc sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình chăm sóc, vệ sinh chuồng, trại nuôi có mối tương quan dương ($Cov = 0.22$), tức nhận thức của người dân càng cao, họ càng có ý thức sử dụng đồ bảo hộ khi chăm sóc, vệ sinh chuồng, trại nuôi. Tuy nhiên, mối quan hệ này không chặt chẽ ($r = 0,21$). Kết quả tính toán này phù hợp với kết quả phỏng vấn, vì theo các chủ nuôi đã sử dụng đồ bảo hộ, họ có sử dụng đồ bảo hộ (chủ yếu là khẩu trang) là để đảm bảo vệ sinh trong quá trình nuôi, chăm sóc động vật hoang dã, họ không biết đó là biện pháp phòng bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

d) Mối quan hệ giữa nhận thức và việc thực hiện tiêm vắc-xin

Quan hệ giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ và rủi ro bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người với việc thực hiện tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã được thể hiện trên Hình 30.

Kết quả phân tích thống kê cho thấy, giữa nhận thức của chủ nuôi về các nguy cơ, rủi ro bị bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã sang người và việc thực hiện tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã có mối tương quan dương ($Cov = 0.34$), tức nhận thức của người dân càng cao, họ càng có ý thức tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã nuôi nhốt. Tuy nhiên, mối quan hệ này không chặt chẽ ($r = 0,31$).



Hình 30: Mối quan hệ giữa nhận thức về các nguy cơ, rủi ro bị bệnh truyền nhiễm với việc thực hiện tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã

3.4.4.2. Sự xuất hiện của dịch bệnh trên thực tế

Kết quả khảo sát cho thấy, chưa có trường hợp nào bị bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người tại cơ sở nuôi động vật hoang dã ở các tỉnh khảo sát. Do đó, chủ nuôi và người chăm sóc động vật hoang dã nuôi nhốt thường có ý thức chủ quan và họ ít quan tâm thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

Tuy nhiên, theo một số chủ nuôi, kể từ khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và một số phương tiện truyền thông cho rằng vi rút Corona có nguồn gốc từ động vật hoang dã, họ đã cẩn thận hơn rất nhiều khi tiếp xúc với động vật hoang dã đồng thời với việc đặt các hố sát trùng tại khu vực ra, vào chuồng nuôi. Do đó, các biện pháp truyền thông về nguy cơ và các rủi do dịch bệnh từ hoạt động nuôi động vật hoang dã cần có những ví dụ cụ thể về các trường hợp bị bệnh để người chăn nuôi nói chung và cộng đồng nói riêng tin và nhận thức đầy đủ về các nguy cơ, rủi ro, qua đó họ sẽ tự thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

3.4.4.3. Chi phí thực hiện

Kết quả khảo sát cho thấy, những biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người có chi phí thấp, dễ thực hiện như đeo khẩu trang, tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng, dụng cụ chăn nuôi, v.v được chủ nuôi đồng tình thực hiện. Các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã tốn nhiều chi phí thì nhiều cơ sở không đồng ý thực hiện. Do đó, các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người cũng cần phải tính tới yếu tố chi phí mà chủ nuôi phải bỏ ra để thực hiện.

3.4.4.4. Quy định pháp luật và sự quản lý của cơ quan Nhà nước

Hiện nay, pháp luật chưa quy định cụ thể về phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, nhiều chủ nuôi sẵn sàng thực hiện nếu Nhà nước yêu cầu.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, cơ quan Nhà nước (Thú y, Kiểm lâm) tích cực tuyên truyền, vận động cho chủ nuôi về các quy định pháp luật về thú y, bảo vệ động vật hoang dã kết hợp với thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, ý thức chấp hành pháp luật của chủ nuôi sẽ cao hơn. Do vậy, để các chủ nuôi chủ động và tự nguyện thực hiện phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, các cơ quan Nhà nước cần tích cực tuyên truyền, vận động kết hợp với kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.



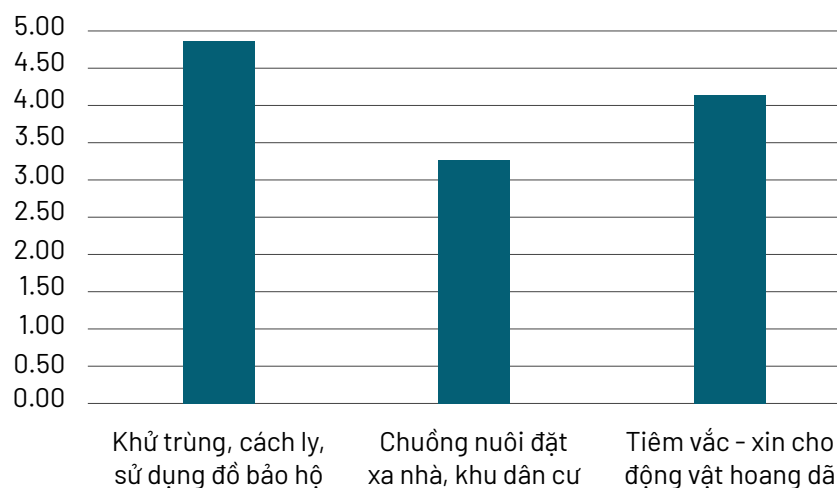
3.5. Khả năng áp dụng các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Để thực hiện phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, chủ nuôi phải có nguồn lực, khả năng nhất định, đó có thể là tài chính, sự hiểu biết, kinh nghiệm, cơ sở vật chất. Nghiên cứu vấn đề này sẽ giúp xác định các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã mà chủ nuôi có khả năng hoặc không có khả năng thực hiện.

Khả năng (nguồn lực) của chủ nuôi đối với việc áp dụng một số biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người được chia thành 05 cấp độ và đánh giá theo cảm nhận của chủ nuôi gồm: 1 điểm - hoàn toàn không có khả năng; 2 điểm - ít có khả năng; 3 điểm - có khả năng; 4 điểm - có khả năng cao; và 5 điểm - hoàn toàn có khả năng.

Những biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người được đánh giá gồm:

- 01** Biện pháp tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi, khử trùng trước khi ra vào chuồng nuôi, cách ly khi động vật bị ốm hoặc nhập động vật mới về cơ sở và sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình chăm sóc, vệ sinh chuồng nuôi động vật hoang dã;
- 02** Khu vực nuôi động vật hoang dã đặt xa khu vực sinh hoạt của gia đình;
- 03** Tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã.



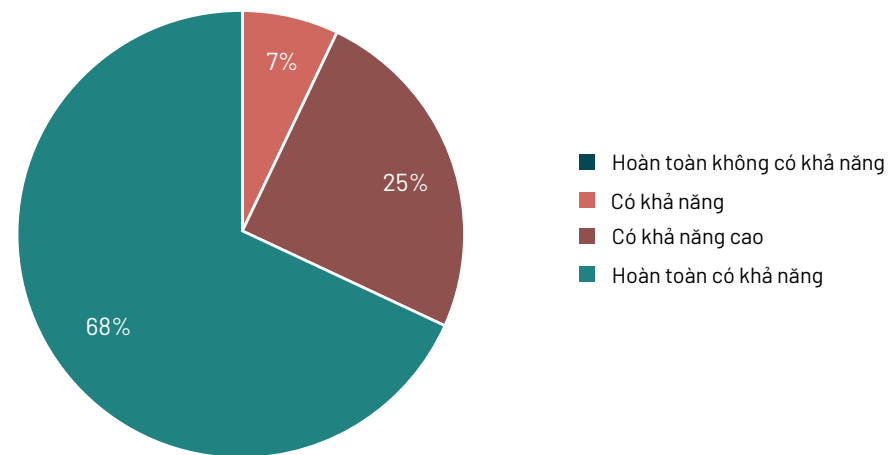
Hình 31: Khả năng áp dụng một số biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ ĐVHD sang người tại các cơ sở khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy, những biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người nêu trên, cơ bản người dân có khả năng thực hiện. Trong đó, biện pháp tiêu độc, khử trùng, cách ly động vật hoang dã và sử dụng đồ bảo hộ người chăn nuôi có khả năng thực hiện nhất, trung bình 4,61 điểm/5 điểm, tiếp đó là biện pháp tiêm vắc-xin, trung bình đạt 3,88 điểm/5 điểm, thấp nhất là biện pháp đặt chuồng nuôi cách xa nhà (2,90 điểm/5 điểm).

3.5.1. Biện pháp khử trùng, cách ly và sử dụng đồ bảo hộ

Kết quả đánh giá khả năng của chủ nuôi trong việc thực hiện biện pháp tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi, khử trùng trước khi ra vào chuồng nuôi, cách ly khi động vật bị ốm hoặc nhập động vật mới về cơ sở và sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình chăm sóc, vệ sinh chuồng nuôi động vật hoang dã được khảo sát thể hiện trên Hình 32.

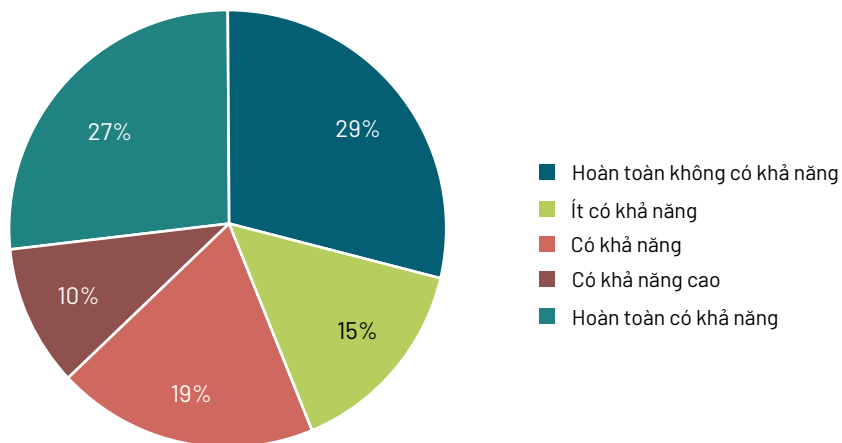
Kết quả khảo sát cho thấy, có 68% số cơ sở nuôi được khảo sát hoàn toàn có khả năng, 25% số cơ sở có khả năng cao và 7% số cơ sở có khả năng thực hiện tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi, khử trùng trước khi ra vào chuồng nuôi, cách ly khi động vật bị ốm hoặc nhập động vật mới về cơ sở và sử dụng đồ bảo hộ trong quá trình chăm sóc, vệ sinh chuồng nuôi động vật hoang dã. Không có cơ sở nào không có khả năng hoặc ít có khả năng thực hiện biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người nêu trên.



Hình 32: Khả năng của chủ nuôi trong áp dụng biện pháp khử trùng, cách ly và sử dụng đồ bảo hộ tại các cơ sở khảo sát

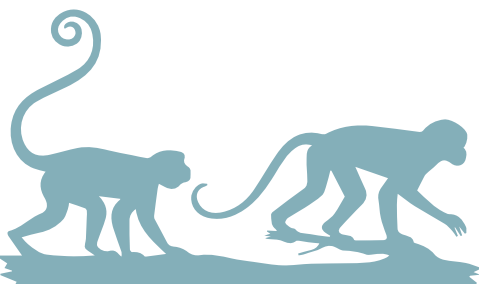
3.5.2. Chuồng nuôi đặt xa nhà ở hoặc khu dân cư

Kết quả đánh giá khả năng của chủ nuôi trong việc đặt chuồng nuôi, khu nuôi động vật hoang dã xa nhà ở, khu sinh hoạt chung của gia đình hoặc khu dân cư tại các cơ sở được khảo sát thể hiện trên Hình 33.



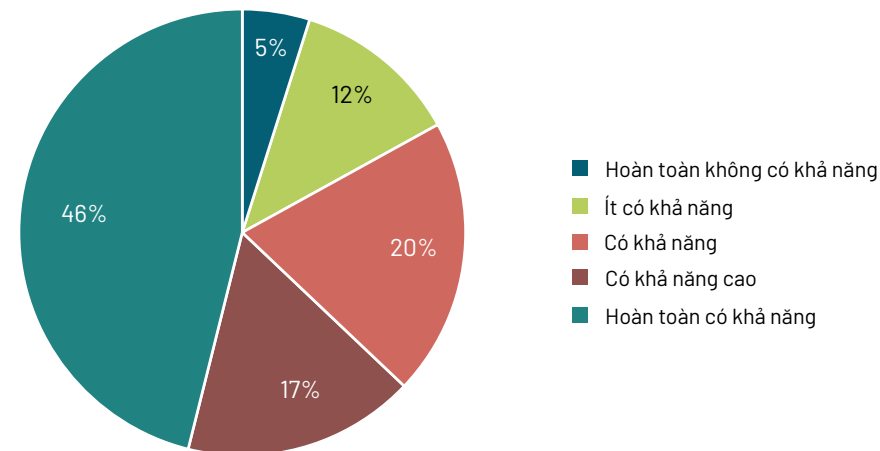
Hình 33: Khả năng của chủ nuôi trong việc đặt chuồng nuôi, khu nuôi động vật hoang dã xa nhà ở, khu sinh hoạt chung của gia đình hoặc khu dân cư

Kết quả khảo sát cho thấy, có 29% số cơ sở nuôi được khảo sát hoàn toàn không có khả năng và 15% số cơ sở ít có khả năng đặt chuồng nuôi xa nhà ở, khu dân cư; 27% số cơ sở nuôi hoàn toàn có khả năng, 19% số cơ sở có khả năng và 10% số cơ sở có khả năng cao trong việc đặt chuồng nuôi xa nhà ở, khu dân cư. Những cơ sở có khả năng cao và hoàn toàn có khả năng đặt chuồng nuôi xa nhà ở, khu dân cư vì họ có đất và hiện tại cơ sở nuôi của họ đã đặt xa nhà ở. Những cơ sở không có khả năng hoặc ít có khả năng vì họ không có đất và khi đưa chuồng nuôi ra xa nhà, họ phải đầu tư để xây dựng lại chuồng, trại nuôi, do đó phát sinh chi phí trong khi nuôi động vật hoang dã giờ khó bán.



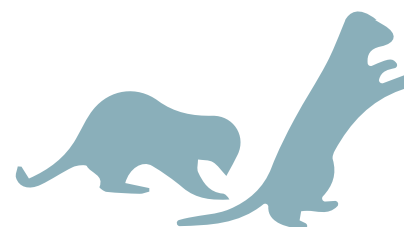
3.5.3. Tiêm vắc-xin cho động vật hoang dã

Kết quả đánh giá khả năng của chủ nuôi trong việc tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã tại các cơ sở được khảo sát thể hiện trên Hình 34.



Hình 34: Khả năng của chủ nuôi trong việc tiêm vắc-xin cho ĐVHD

Kết quả khảo sát cho thấy, có 46% số cơ sở nuôi được khảo sát hoàn toàn có khả năng, 20% số cơ sở có khả năng và 17% số cơ sở có khả năng cao trong việc thực hiện tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã. Có 12% số cơ sở ít có khả năng và 5% số cơ sở hoàn toàn không có khả năng tiêm vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã. Theo các chủ nuôi, tiêm vắc-xin là biện pháp hữu hiệu nhằm phòng bệnh cho động vật hoang dã và chi phí đầu tư không quá lớn. Tuy nhiên, hạn chế là không có vắc-xin riêng cho bệnh trên động vật hoang dã. Đa phần các chủ nuôi đều dùng các vắc-xin của gia súc, gia cầm để tiêm cho các động vật hoang dã do mình nuôi nếu muốn sử dụng vắc-xin.



3.6. Đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người

Để tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ ĐVHD sang người cần có các giải pháp cho cả cơ quan nhà nước và người chăn nuôi, cụ thể như sau:

3.6.1. Về phía Nhà nước

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành Danh mục bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người. Trong đó cần nêu rõ loại bệnh; loài động vật hoang dã bị mắc bệnh; con đường lây truyền; triệu chứng khi động vật hoang dã mắc bệnh; quy trình kỹ thuật phòng bệnh, biện pháp xử lý khi động vật hoang dã mắc bệnh; chế độ báo cáo khi động vật hoang dã mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh.
- Xây dựng và ban hành Danh mục động vật hoang dã có nguy cơ cao lây bệnh cho người và có chế độ quản lý riêng.
- Quy hoạch vùng nuôi động vật hoang dã, trong đó từng bước đưa các loài động vật hoang dã có nguy cơ, rủi ro cao lây bệnh cho người ra khỏi khu vực đông dân cư.
- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về chuồng nuôi và biện pháp đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi động vật hoang dã, đặc biệt là các nhóm loài được đánh giá có nguy cơ lây truyền bệnh cho người cao như chim hoang dã, linh trưởng, cầy, gặm nhấm, v.v. Các biện pháp cần dễ làm, ít tốn kém và người dân có thể thực hiện được ngay vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ, như tiêu độc khử trùng chuồng nuôi và dụng cụ chăn nuôi, mang đồ bảo hộ khi chăm sóc và vệ sinh chuồng nuôi, không ăn uống hút thuốc trong khu nuôi động vật hoang dã, v.v.
- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về những rủi ro, nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm từ động vật hoang dã nuôi nhốt cho cộng đồng, đặc biệt là những người nuôi, mua, bán, vận chuyển và tiêu thụ động vật hoang dã bằng các hình thức như biển hiệu, áp phích, tài liệu, TV, đài, sách báo, v.v. Trong đó đặc biệt phải có sự vào cuộc một cách chủ động của chính quyền địa phương và cơ quan thú y.
- Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ Kiểm lâm và Thú y tại các tỉnh về các biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, qua đó để họ sẽ hướng dẫn người dân thực hiện.
- Đào tạo cho chủ nuôi các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, thú y và biện pháp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

- Tăng cường thực thi pháp luật nhằm xóa bỏ các cơ sở mua bán động vật hoang dã bất hợp pháp, xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện kiểm dịch động vật hoang dã theo quy định của pháp luật.
- Có chính sách về hỗ trợ vay vốn, khoa học-công nghệ chăn nuôi, chế biến và thị trường cho động vật hoang dã nhằm đảm bảo hoạt động chăn nuôi được bền vững.
- Nghiên cứu sản xuất vắc-xin phòng bệnh cho động vật hoang dã. Tổ chức tuyên truyền cho người dân tiêm vắc-xin để phòng bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.
- Đào tạo đội ngũ bác sĩ thú y có chuyên môn về phòng, điều trị bệnh trên động vật hoang dã và phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người.

3.6.2. Về phía người chăn nuôi

Con đường lây truyền bệnh từ động vật hoang dã sang người có thể thông qua tiếp xúc trực tiếp, qua các vết thương, vết trầy xước trên cơ thể, qua tiếp xúc với chất thải, máu và các dịch cơ thể, v.v của động vật hoang dã. Ngoài ra còn có thể lây nhiễm qua đường không khí, đường tiêu hóa và qua các vật chủ trung gian như côn trùng, chuột ...v.v. Do đó, để phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người, chủ nuôi cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

- Với những cơ sở nuôi quy mô lớn, có nhiều người cùng tham gia nuôi, chăm sóc động vật hoang dã thì cần xây dựng nội quy và quy trình nuôi, vệ sinh môi trường và phòng ngừa dịch bệnh. Mọi nhân viên và những người có liên quan đều phải tuân thủ nghiêm nội quy và quy trình này.
- Người nuôi, chăm sóc và quản lý động vật hoang dã phải rửa tay (kể cả khi mang găng tay) bằng xà phòng hoặc các nước rửa tay sát trùng trước và sau khi tiếp xúc với động vật hoang dã, thức ăn, chất thải và dịch cơ thể của chúng.
- Người chăm sóc động vật hoang dã cần được trang bị bảo hộ lao động, mũ, khẩu trang, găng tay, ủng. Không tiếp xúc trực tiếp với động vật hoang dã, trừ khi chữa bệnh.
- Chuồng trại phải được vệ sinh sạch sẽ, không được để bẩn hoặc ô nhiễm để tránh khả năng lây nhiễm bệnh qua đường không khí cũng như tạo môi trường cho mầm bệnh phát triển.
- Nhân viên phải sử dụng đồ bảo hộ, đeo khẩu trang, mang găng, đi ủng, v.v khi dọn vệ sinh hoặc cho động vật hoang dã ăn. Đồ bảo hộ này phải được thay, giặt sạch sau mỗi ngày lao động và không được mang đồ bảo hộ chưa giặt ra khỏi trại. Không được dùng chung đồ dọn vệ sinh giữa các khu chuồng nuôi.



- Không được hút thuốc lá hay ăn, uống trong khu vực nuôi động vật hoang dã. Trong quá trình dọn vệ sinh hoặc cho ăn, không được đưa tay lên miệng, mũi, mắt, v.v. Công nhân chăm sóc động vật bị bệnh không được tiếp xúc với các cá thể khỏe mạnh khác.
- Nhân viên nuôi, chăm sóc động vật hoang dã phải luôn cẩn trọng, tránh để chúng tấn công, cắn hay cào. Trường hợp bị động vật hoang dã cắn, cào phải báo ngay cho nhân viên y tế, rửa vết thương kỹ bằng xà phòng diệt khuẩn và đi khám tại cơ sở y tế trong trường hợp vết thương hoặc bị bệnh nghiêm trọng.
- Khi mua động vật hoang dã ở ngoài tỉnh cần yêu cầu người bán thực hiện kiểm dịch trước khi vận chuyển nhằm đảm bảo động vật hoang dã mua được khỏe mạnh, không mang bệnh. Động vật hoang dã phải có nguồn gốc rõ ràng và hợp pháp.
- Khi động vật hoang dã bị bệnh truyền nhiễm hoặc nghi mắc bệnh truyền nhiễm, bị chết không rõ nguyên nhân cần báo ngay cho chính quyền địa phương gần nhất hoặc cơ quan thú y gần nhất nhằm đảm bảo phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật hoang dã sang người và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thú y. Cần tuân thủ đúng hướng dẫn của cơ quan thú y khi động vật hoang dã bị ốm, chịt chết do bệnh truyền nhiễm.
- Không được sử dụng động vật hoang dã bị ốm, chết không rõ nguyên nhân để làm thực phẩm hoặc vớt xác động vật bị chết, bị bệnh truyền nhiễm hoặc không rõ nguyên nhân ra môi trường tự nhiên.
- Chất thải của động vật hoang dã cần được xử lý, không được thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên, đặc biệt là nơi có nguồn nước.
- Không đặt chuồng nuôi động vật gần nhà hoặc trong khu vực sinh hoạt của gia đình. Không cho động vật nhà, người không phận sự vào khu nuôi động vật hoang dã.
- Mỗi cơ sở nuôi động vật hoang dã cần có hố vôi hóa chất sát trùng và phải thực hiện sát trùng trước khi ra vào khu nuôi động vật hoang dã.



- [1] Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017
- [2] Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008
- [3] Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014
- [4] Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015
- [5] Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017
- [6] Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018
- [7] Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007
- [8] Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý ĐVR, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
- [9] Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
- [10] Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
- [11] Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản
- [12] Thông tư số 09/2016/TT-BNNTPTN ngày 01/6/2016 của Bộ NN & PTNT về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y
- [13] Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thú y.
- [14] Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ NN & PTNT quy định các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật
- [15] Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn

Khác Có Không
 Nếu là cơ quan khác, đề nghị nêu rõ:

4.2. Nếu có kiểm tra, nội dung kiểm tra là gì?

PHẦN 2: CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH KHI NUÔI ĐVHD

5. Trong quá trình nuôi, ông/bà áp dụng các biện pháp gì để hạn chế nguy cơ lây bệnh từ ĐVHD sang người?

Khử trùng định kỳ khu nuôi	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tiêm vắc-xin phòng bệnh	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Cách ly theo dõi đàn mới	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Thuê công ty thú y trị bệnh	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Khu nuôi để xa nơi ở	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Tiêu hủy ĐVHD chết do bệnh	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Dùng bảo hộ cá nhân	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Khử trùng trước khi vào khu nuôi (VD: vôi bột)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Khác	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		

Vui lòng ghi rõ các biện pháp khác:

6. Trong quá trình nuôi, người nuôi/người chăm sóc có bị bệnh gì không?
 Có Không

- Nếu có, vui lòng ghi rõ loại bệnh mắc phải:.....

7. Trong quá trình nuôi, ĐVHD có bị bệnh gì không?
 Có Không

7.1 Nếu có, vui lòng ghi rõ loại bệnh mắc phải:.....

7.2 Nếu có, ông/bà có báo cho cơ quan QLNN nào không?

Tại sao?.....

8. Ở địa phương, đơn vị/cá nhân nào tham gia phòng, trị bệnh cho ĐVHD ở cơ sở của ông/bà.....

9. Ông/bà có biết quy định pháp luật về quản lý nuôi, giết mổ và vận chuyển ĐVHD không?

Có Không

Nếu có, đề nghị ông/bà kể tên các quy định cụ thể:.....

10. Khi động vật hoang dã nuôi bị bệnh, ông/bà làm gì?

- Mời bác sĩ thú y về khám và chữa: Có Không

- Báo cho chính quyền địa phương/nhân viên thú y: Có Không

- Không làm gì cả: Có Không

- Biện pháp khác (nếu có thì đề nghị ghi rõ):.....

11. Khi động vật hoang dã nuôi bị chết không rõ nguyên nhân, ông/bà làm gì?

- Báo cho cơ quan Kiểm lâm: Có Không

- Mời bác sĩ thú y về khám: Có Không

- Báo cho chính quyền địa phương/nhân viên thú y: Có Không

- Bán động vật bị chết: Có Không

- Tiêu hủy động vật bị chết: Có Không

- Thịt động vật bị chết để làm thực phẩm: Có Không

- Không làm gì cả: Có Không

- Biện pháp khác (nếu có thì đề nghị ghi rõ):.....

12. Trường hợp ông/bà báo chính quyền địa phương/cơ quan thú y về việc ĐVHD bị bệnh, bị chết, chính quyền địa phương/cơ quan thú y sẽ:

- Xuống ngay để kiểm tra về dịch bệnh: Có Không

- Hướng dẫn điều trị và xử lý ĐVHD đang mắc bệnh: Có Không

- Hướng dẫn xử lý ĐVHD bị chết, bị bệnh: Có Không

- Hướng dẫn xử lý chuồng/khu vực nuôi: Có Không

- Không xuống kiểm tra và hướng dẫn: Có Không

- Biện pháp khác, nếu có đề nghị ông/bà nêu rõ:.....

13. Khi ĐVHD nuôi bị chết, bị bệnh, chuồng nuôi có được xử lý không?

Có Không

- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông bà cho biết biện pháp xử lý:
- + Tiêu độc, khử trùng chuồng/khu vực nuôi: Có Không
- + Vệ sinh chuồng/khu vực nuôi: Có Không
- + Để chuồng một thời gian nhất định mới nuôi tiếp: Có Không
- + Biện pháp khác, nếu có, đề nghị nêu rõ:
- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông/bà cho biết lý do?
- + Để phòng dịch bệnh cho ĐVHD nuôi nhốt: Có Không
- + Theo yêu cầu hoặc hướng dẫn của cơ quan thú y: Có Không
- + Theo hướng dẫn của sách, báo, tài liệu,...: Có Không
- + Lý do khác (nếu có):.....
- 14. Cơ sở nuôi của ông bà có vệ sinh chuồng, khu vực nuôi thường xuyên không? Có Không
- Nếu có thì tần xuất dọn vệ sinh là như nào?:.....
- Cách thức vệ sinh như nào?.....
- 15. Phân, rác thải và nước thải của ĐVHD ông bà xử lý như thế nào?
- Xả thẳng ra môi trường: Có Không
- Thu gom, đưa về nơi xử lý để xử lý: Có Không
- Biện pháp khác, nếu có đề nghị ông, bà nêu rõ:
- 16. Khi kết thúc mỗi đợt nuôi, ông bà có xử lý chuồng nuôi trước khi nuôi đợt mới không? Có Không
- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông bà cho biết biện pháp xử lý:
- + Tiêu độc, khử trùng chuồng/khu vực nuôi: Có Không
- + Vệ sinh chuồng/khu vực nuôi: Có Không
- + Để chuồng một thời gian nhất định mới nuôi tiếp: Có Không
- + Biện pháp khác, nếu có, đề nghị nêu rõ:

- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông/bà cho biết lý do?
- + Để phòng dịch bệnh cho ĐVHD nuôi nhốt: Có Không
- + Theo yêu cầu hoặc hướng dẫn của cơ quan thú y: Có Không
- + Theo hướng dẫn của sách, báo, tài liệu ... : Có Không
- + Lý do khác (nếu có):
- 17. Khi mua ĐVHD về cơ sở, ông/bà có yêu cầu người bán thực hiện kiểm dịch ĐVHD không? Có Không
- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông/bà cho biết lý do:
- Nếu câu trả lời là không, đề nghị ông/bà cho biết lý do:.....
- 18. Khi bán ĐVHD về cơ sở, ông/bà có thực hiện kiểm dịch ĐVHD không? Có Không
- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông/bà cho biết lý do:.....
- Nếu câu trả lời là không, đề nghị ông/bà cho biết lý do:.....
- 19. Ông, bà có tiêm vắc-xin phòng bệnh cho ĐVHD không? Có Không
- Nếu câu trả lời là có, đề nghị ông/bà cho biết lý do:
- Nếu câu trả lời là không, đề nghị ông/bà cho biết lý do:
- 20. Theo ông/bà, nhà nước và bản thân ông/bà có cần làm gì thêm để ngăn ngừa nguy cơ truyền lây dịch bệnh từ ĐVHD sang người không? Tại sao?
.....
.....

PHẦN 3: THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NGUY CƠ DỊCH BỆNH TỪ ĐVHD

21. Ông/bà đánh giá nguy cơ lây truyền dịch bệnh sang người từ hoạt động gây nuôi ĐVHD (VD như tại cơ sở mình) như thế nào? (1=Rất thấp; 2=Thấp; 3=Không rõ; 4=Cao; 5=Rất cao)

Rất thấp	1	2	3	4	5	Rất cao
----------	---	---	---	---	---	---------

- Lý do:.....
22. Ông/bà có cho rằng việc nuôi và chăm sóc ĐVHD có nguy cơ lây bị lây nhiễm bệnh từ ĐVHD hay không? Có Không

Nếu câu trả lời là không, đề nghị ông/bà cho biết lý do:

Nếu câu trả lời là có, theo ông/bà công việc nào, giai đoạn nào là nguy cơ nhất?

23. Ông/bà có được được tập huấn hoặc/và tuyên truyền về những nguy cơ và biện pháp để giảm thiểu nguy lây nhiễm bệnh từ ĐVHD hay không?

Có Không

Nếu câu trả lời là có, ai là người đã tập huấn hoặc/và tuyên truyền cho ông/bà

- Cơ quan Thú y: Có Không
- Cơ quan Kiểm lâm: Có Không
- Chính quyền địa phương: Có Không
- Qua TV, sách, báo: Có Không
- Được học từ trường/lớp: Có Không

24. Chuồng/khu vực nuôi ĐVHD của ông/bà được đặt ở đâu?

- Trong khu vực sinh hoạt của gia đình:
- Ngoài khu vực sinh hoạt của gia đình (tách biệt hoàn toàn với chuồng nuôi)

25. Động vật nhà (chó, mèo, gia cầm ...v.v) có được tự do ra, vào khu vực nuôi ĐVHD không? Có Không

- Nếu không, đề nghị ông/bà cho biết lý do:

+ Để không lây nhiễm bệnh giữa ĐVHD và động vật nhà:

Có Không

+ Theo yêu cầu hoặc hướng dẫn của cơ quan thú y:

Có Không

+ Theo hướng dẫn của sách, báo, tài liệu ... :

Có Không

+ Lý do khác (nếu có):

26. Trước cửa ra, vào khu vực nuôi ĐVHD của ông/bà có hố sát trùng không?

Có Không

Nếu có, đề nghị ông/bà cho biết lý do:

+ Để phòng dịch bệnh cho ĐVHD và người: Có Không

+ Theo yêu cầu hoặc hướng dẫn của cơ quan thú y:

Có Không

+ Theo hướng dẫn của sách, báo, tài liệu ... :

Có Không

+ Lý do khác (nếu có):.....

Nếu không, đề nghị ông/bà cho biết lý do:.....

27. Ông, bà có cho người không phận sự (người ngoài, người không phải nhân viên quản lý, chăm sóc ĐVHD ...v.v.) được tự do ra, vào khu vực nuôi ĐVHD không?

Có Không

Lý do:.....

28. Khi cho ĐVHD ăn, uống hoặc khi dọn vệ sinh chuồng nuôi, ông/bà có sử dụng đồ bảo hộ không? Có Không

Nếu có, đồ bảo hộ là gì?

Đeo khẩu trang: Có Không

Mang găng tay: Có Không

Mang ủng: Có Không

Mang quần áo bảo hộ: Có Không

Đồ bảo hộ khác (nếu có) Có Không

Lý do:.....

29. Ông/bà có ăn/uống hoặc hút thuốc trong khi cho ĐVHD ăn, uống/dọn vệ sinh chuồng nuôi hoặc tại khu vực nuôi ĐVHD không? Có Không

Lý do:.....

30. Sau khi dọn vệ sinh chuồng hoặc khu vực nuôi ĐVHD, đồ bảo hộ, quần áo có được xử lý không? Có Không

- Lý do và các biện pháp xử lý đồ bảo hộ, quần áo là gì:

31. Sau khi dọn vệ sinh chuồng nuôi hoặc tại khu vực nuôi ĐVHD, ông bà có xử lý dụng cụ vệ sinh không?

Có Không

Lý do và các biện pháp xử lý dụng cụ vệ sinh chuồng trại:.....

32. Trường hợp bị ĐVHD nuôi tấn công (như cắn, cào ...), ông/bà xử lý như nào?

- Rửa sạch vết thương và sát trùng: Có Không
- Khám và xử lý theo hướng dẫn của nhân viên y tế Có Không
- Theo dõi những dấu hiệu bất thường về sức khỏe trong 1 thời gian nhất định:
 - Có Không
- Không làm gì: Có Không

33. Ông, bà có đi khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện bệnh truyền lây từ ĐVHD sang người không? Có Không

Lý do:.....

34. Ông/bà có nghe nói về việc lây truyền dịch bệnh từ các loài ông/bà đang nuôi tại các cơ sở khác, kể cả trong quá khứ, không?

- Có Không

Nếu có, vui lòng cung cấp thêm thông tin:.....

PHẦN 4: THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐVHD SANG NGƯỜI

35. Sử dụng các biện pháp như khử trùng khu vực gây nuôi, khử trùng trước khi vào khu vực nuôi (VD: vôi bột), tách đàn mới để theo dõi có thể giảm nguy cơ truyền lây bệnh từ ĐVHD sang người. Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

36. Sử dụng các biện pháp bảo hộ cá nhân như đeo khẩu trang, găng tay khi tiếp xúc có thể giảm nguy cơ truyền lây bệnh từ ĐVHD sang người. Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

37. Tiêm vắc-xin cho vật nuôi có thể giảm nguy cơ truyền lây bệnh từ ĐVHD sang người. Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

38. Lập khu vực gây nuôi cách xa nhà ở, nơi cư trú, có thể giảm nguy cơ truyền lây bệnh từ ĐVHD sang người. Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

39. Theo ông/bà, các biện pháp gì khác (nếu cần thiết) có thể giảm nguy cơ truyền lây bệnh từ ĐVHD sang người. Tại sao?

Lý do:

PHẦN 5: QUAN ĐIỂM ĐỐI VỚI VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐVHD SANG NGƯỜI

40. Ông/bà có biết các cơ sở gây nuôi ĐVHD khác (loài tương tự) họ đang dùng biện pháp gì để phòng chống dịch bệnh truyền lây từ ĐVHD sang người? Tại sao?

41. Nếu ông/bà biết họ đang dùng các biện pháp như vậy thì ông/bà có muốn làm theo họ không? Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

42. Theo ông/bà, người nhà, họ hàng, hàng xóm của ông/bà có ủng hộ việc áp dụng các biện pháp phòng chống bệnh truyền lây từ ĐVHD sang người không?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

Nếu có thì ông/bà có nghe theo họ không? Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

43. Theo ông/bà, chính quyền địa phương có khuyến khích, ủng hộ việc áp dụng các biện pháp phòng chống bệnh truyền lây từ ĐVHD sang người không?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

44. Nếu có thì ông/bà có nghe theo chính quyền địa phương không? Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

PHẦN 6: KHẢ NĂNG (NGUỒN LỰC) ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH LÂY TRUYỀN TỪ ĐVHD SANG NGƯỜI

45. Nếu muốn, tôi hoàn toàn có thể áp dụng các biện pháp phòng chống như khử trùng, cách ly đàn mới, bảo hộ cá nhân. Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

46. Nếu muốn, tôi hoàn toàn có thể lập khu chăn nuôi xa nơi cư trú/nhà ở. Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

47. Nếu muốn, tôi hoàn toàn có thể tiêm vắc-xin phòng bệnh cho ĐVHD (bệnh có thể truyền lây sang người). Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

48. Theo ông/bà, sắp tới nhà nước có bắt buộc áp dụng các biện pháp phòng chống bệnh truyền lây từ ĐVHD sang người không? Tại sao?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

49. Nếu nhà nước bắt buộc thì ông/bà có nghĩ mình hoàn toàn có thể tuân theo hoặc có muốn tuân theo không? Tại sao (VD: tài chính, thời gian, công sức bỏ thêm)?

Rất không đồng ý	1	2	3	4	5	Rất đồng ý
------------------	---	---	---	---	---	------------

Lý do:

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ GIÚP ĐỠ VÀ HỢP TÁC CỦA ÔNG/BÀ!

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC CHỦ HỘ ĐƯỢC PHÒNG VẤN

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
LÂM ĐỒNG	1	Phan Đắc Vĩnh Khuê	Chủ hộ nuôi	Vườn cà phê voi, cà phê chồn Phú An	268 Thôn Định An, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	Cây vòi hương/Cây vòi đốm, Cây hương và Cây mực (Chồn gấu), Voi, Hổ, Vượn siki, Đà điểu, Khướu bạc má	200 chồn, 8 voi, 2 hổ
	2	Đặng Thành Phúc	Công nhân chăm sóc vật nuôi	Công ty TNHH du lịch Tỉnh An	Tiểu khu 160B, xã Tà Nung, Đà Lạt	Chồn (Cây vòi hương)	54 cá thể
	3	Lý Ngọc Vũ	Chủ hộ nuôi	Hộ nuôi Lý Ngọc Vũ	Thôn Tân Đức, xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng	Cây vòi hương, Cây vòi mốc	24 cá thể
	4	Nguyễn Đoàn Anh Quốc	Cán bộ chăm sóc vật nuôi	Cà phê Mê Linh (mê linh coffee garden)	Tổ 20, thôn 4, xã Tà Nung, Đà Lạt	Cây vòi hương/Cây vòi mốc	30 cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
LÂM ĐỒNG	5	Nguyễn Thị Quý		Cơ sở nuôi dúi Đình Quốc Huy	Tân Văn, Lâm Hà, Lâm Đồng	Dúi	25 cá thể
	6	Phạm Ngọc Quang	Chủ cơ sở nuôi		Lâm Hà, Lâm Đồng	Cây hương	15 cá thể
	7	Phan Thị Mỹ Thanh	Quản lý trại nuôi	Cà phê chồn Trại Hầm	135E, Hoàng Hoa Thám, P. 10 Đà Lạt	Cây vòi hương/Cây vòi đốm	25 cá thể
	8	Trần Hòa	Chủ hộ nuôi	Hộ nuôi Trần Hòa	Thông Liên Trung, xã Tân Hòa, huyện Lâm Hà	Dúi	15 cá thể
TÂY NINH	9	Nguyễn Thành Đạt	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Thành Đạt	Ấp Thành Trung, xã Thành Lâm, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	Khỉ đuôi dài, Cây vòi hương	1 cá thể 0
	10	Nguyễn Văn Sánh	Chủ cơ sở gây nuôi cây vòi hương	Nguyễn Văn Sánh	Phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Cây vòi hương và Rùa đất lớn, Rùa rắng, rùa Núi Vàng, Rùa hộp, rùa đất Sê-pôn	20 cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
TÂY NINH	11	Đào Thanh Phi Hiếu	Chủ cơ sở nuôi	Đào Thanh Phi Hiếu	Hẻm 28, nhà 12, đường Bồi Lồi, Linh Trung, Linh Sơn, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Dúi	80 cá thể
	12	Nguyễn Tấn Thành	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Tấn Thành	56/7A, Ấp Trường An, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh	Dúi mốc lớn, Dúi má đào	110 cá thể
	13	Nguyễn Thanh Phong	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Thanh Phong	Ấp Năm Trại, xã Trường Đông, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh	Cây vòi hương	4 cá thể
	14	Nguyễn Văn Phi	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Văn Phi	Ấp Trường Tây, xã Trường Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Nhím, Ba ba Nam bộ	Nhím 9 Ba ba Nam bộ 100

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
TÂY NINH	15	Nguyễn Xuân Quang	Phó giám đốc Vina Mekong	Công ty Vina Mekong	Ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	Khỉ đuôi dài, Khỉ đuôi ngắn (Khỉ đuôi lợn)	5300 cá thể
	16	Trần Khắc Sinh	Chủ cơ sở nuôi	Trần Khắc Sinh	Ấp Suối Rộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	Dúi, Chồn	Chồn 19 Dúi >40
	17	Võ Huy Cường	Chủ cơ sở nuôi	Trại nuôi Võ Hùng Cường	Khu phố Lộc Thanh, phường Lộc Hưng, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	Khỉ đuôi dài	1200 cá thể
BÌNH PHƯỚC	18	Đỗ Thị Thanh Hương	Chủ cơ sở nuôi	Cơ sở giống gia cầm, thú y cárm Bình Phước	Ấp An Hòa, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, Bình Phước	Chim trĩ đỏ khoang cổ, công má vàng, công Ấn độ	1500 cá thể
	19	Hoàng Minh Tâm	Chủ cơ sở nuôi	Hộ nuôi Hoàng Minh Tâm	Tổ 3, Ấp Đồng Chất, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, Bình Phước	Nhím	200 cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
BÌNH PHƯỚC	20	Nguyễn Thị Tài	Chủ cơ sở nuôi	Hộ nuôi Nguyễn Thị Tài	Khu phố 3, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, Bình Phước	Cây vòi hương, Hương sao, Trĩ đỏ	Hươu sao: 2 Cây vòi hương: 3 Trĩ đỏ: 4
	21	Phạm Duy Tường	Chủ cơ sở nuôi	Hộ nuôi Phạm Duy Tường	Ấp Minh Tân, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, Bình Phước	Cây vòi hương	5 cá thể
LONG AN	22	Hồ Thị Yên Tâm và Đặng Kim Hiệu	Chủ cơ sở	Hồ Thị Yên Tâm	Ấp Đông Hòa, xã Thủy Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	Le le, Chích cổ	Le le (1150) Chích cổ (300)
	23	Lê Hoàng Hưng	Chủ cơ sở nuôi	Lê Hoàng Hưng	Ấp 4, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.	Cây vòi hương	147 cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
LONG AN	24	Lê Văn Bi	Chủ cơ sở nuôi	Lê Văn Bi	Ấp 1, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An	Chích cổ, Le le	Chích cổ 300, le le 70
	25	Nguyễn Chí Hải	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Chí Hải	Xã Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An	Dúi Mốc lớn	55 cá thể
	26	Nguyễn Chí Linh	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Chí Linh	Ấp Hiệp Thành, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An	Cây vòi hương	50 cá thể
SÓC TRĂNG	27	Nguyễn Văn Cửa	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Văn Cửa	ấp Phước Thới, xã Phước Lợi, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	Cây vòi hương	65 cá thể
	28	Nguyễn Văn Dồi	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Văn Dồi	343 ấp 4, xã Quê Mỹ Thạnh, Huyện Tân Trụ, Tỉnh Long An	Vẹt Nam Mỹ, chim trĩ	Vẹt Nam mỹ: 21 cá thể Chim Trĩ bảy màu: 400 Cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
SÓC TRẮNG	29	Lương Đức Thiện	Chủ cơ sở nuôi	Lương Đức Thiện	112/kênh 30/4, khóm 6 phường 6 thành phố Sóc Trăng	Cây vôi hương	8 cá thể
	30	Dương Quang Trường	Chủ cơ sở nuôi	Dương Quang Trường	Ấp 19/5, Xã Kế An, huyện Kế Sách, Sóc Trăng	Nhim	23 cá thể
	31	Lâm Khánh Huy	Chủ cơ sở nuôi	Lâm Khánh Huy	Ấp Trường Bình, Xã Trường Khánh, Huyện Long Phú, Sóc Trăng	Cây vôi hương	40 cá thể
	32	Lê Minh Tuấn	Chủ cơ sở nuôi	Lê Minh Tuấn	Ấp Đắc Lục, Xã Hồ Đắc Kiện, Châu Thành, Sóc Trăng	Cây vôi hương	20 cá thể
	33	Lê Văn Cửa	Chủ cơ sở nuôi	Lê Văn Cửa	Ấp Cống Đồi, Xã Hồ Đắc Kiện, Châu Thành, Sóc Trăng	Cây vôi hương	13 cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
SÓC TRẮNG	34	Trương Hiếu Liêm; Trương Quốc Bảo	Chủ cơ sở nuôi	Trương Hiếu Liêm	Ap Phú Thành B, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, thành phố Sóc Trăng	Dúi má đào	28 bố mẹ và 35 con non
	35	Lê Văn Đạt	Chủ cơ sở nuôi	Lê Văn Đạt	Ấp Kênh Đào, xã Hồ Đắc Thiện, huyện Châu Thành, thành phố Sóc Trăng	Lợn rừng	70 cá thể
	36	Lương Đức Thiện và Trần Thị Mơ	Chủ cơ sở nuôi	Lương Đức Thiện	112/kênh 30/4, khóm 6 phường 6 thành phố Sóc Trăng	Cây vôi hương	8 cá thể
	37	Nguyễn Minh Tấn	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Minh Tấn	413 ấp Trà Quyết, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, thành phố Sóc Trăng	Dúi má đào	23 cá thể

Địa phương	TT	Họ và tên	Chức vụ	Tên cơ sở	Địa chỉ	Loài	Số lượng cá thể
SÓC TRĂNG	38	Đỗ Thị Mến và Thái Anh Hùng	Chủ cơ sở nuôi	Đỗ Thị Mến	67 Kênh Trưởng Thọ, Khóm 6, Phường 6, thành phố Sóc Trăng	Cây vòi hương	8 cá thể
	39	Trương Minh Hòa	Chủ cơ sở nuôi	Trương Minh Hòa	Ấp Đắc Thắng, Xã Hồ Đắc Kiện, Châu Thành, Sóc Trăng	Cây vòi hương	21 cá thể
HẬU GIANG	40	Trương Văn Lâm	Chủ cơ sở nuôi	Trương Văn Lâm	Ấp Mỹ Quới, Thị Trấn Cây Dương, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Cây vòi hương	9 cá thể
	41	Nguyễn Văn Thủy	Chủ cơ sở nuôi	Nguyễn Văn Thủy	Ấp Mỹ Hòa, TT Cây Dương, Phụng Hiệp, Hậu Giang	Lợn rừng lai	60 cá thể



Dự án "Giảm thiểu Rủi ro Sức khỏe trong Buôn bán Động vật Hoang dã ở Việt Nam"

Phòng 021, tầng 2, tòa nhà Coco
Số 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

T: +84 24 39 32 95 72

I: <https://alliance-health-wildlife.org/>

